

Số: 09/2024/CBTT-VP

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
 - Mã chứng khoán: VPG
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 123 BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
 - Điện thoại: 02253.569699 Fax: 02253.569689
 - Email: info@vietphatjsc.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/04/2024 tại đường link:

<https://vietphatjsc.com.vn/cbtt-bao-cao-thuong-nien-nam-2023-n781.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Chanh Lê



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



**GẮN KẾT
CÙNG PHÁT TRIỂN**

01 PHẦN MỞ ĐẦU

- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 08 Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi & Triết lý kinh doanh

02 THÔNG TIN CHUNG

- 12 Thông tin khái quát
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 17 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 22 Định hướng phát triển
- 24 Các rủi ro

03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 30 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 32 Tổ chức và nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 44 Tình hình tài chính
- 46 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

04 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 50 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 51 Tình hình tài chính
- 53 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 54 Kế hoạch phát triển trong tương lai

05 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 58 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- 58 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty
- 59 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 62 Hội đồng quản trị
- 67 Ủy ban kiểm toán
- 68 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán

07 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 72 Trách nhiệm với môi trường
- 73 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN

- 84 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 86 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 88 Bảng cân đối kế toán
- 90 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 92 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 93 Thuyết minh báo cáo tài chính

CHƯƠNG 01

PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 06

Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi 08

THÔNG ĐIỆP

Chủ tịch

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý Nhà đầu tư,

Được thành lập từ năm 2008, trải qua 16 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát luôn luôn không ngừng nỗ lực, nghiên cứu phát triển mở rộng. Năm 2023 vẫn là một năm đầy thử thách với nhiều biến động của nền kinh tế vĩ mô và vĩ mô, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt qua khó khăn, giữ vững thành tựu sản xuất - kinh doanh, nhằm tạo nên tầm vóc mới, sức mạnh mới cho thương hiệu Việt Phát.

Năm 2023, kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế thế giới. Các động lực của nền kinh tế chưa phát huy được hiệu quả như những năm trước, đặc biệt trong giai đoạn nửa đầu năm. Tuy vậy, xu hướng tích cực hơn trong những tháng cuối năm đã giúp tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 đạt 5,05% và là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Trong đó, khu vực nông nghiệp tiếp tục là bệ đỡ cho nền kinh tế với tăng trưởng đạt 3,83%; khu vực thương mại tăng trưởng 6,82% với một số ngành dịch vụ tăng trưởng ổn định trong khi khu vực công nghiệp, xây dựng gặp nhiều khó khăn với mức tăng trưởng chỉ đạt 3,74%. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa chính thức đạt 683 tỷ USD cho cả năm 2023; xuất siêu đạt 28 tỷ USD.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại khoáng sản bao gồm quặng sắt, than cốc, than nhiệt, thép các loại, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

trong năm 2023 có nhiều biến động. Nhu cầu tiêu thụ thép tại thị trường Trung Quốc trở nên suy yếu do thị trường bất động sản Trung Quốc đang rơi vào tình trạng suy thoái trầm trọng khiến cho tỷ trọng xuất khẩu thép sang Trung Quốc giảm mạnh. Trong nước các nhà máy sản xuất thép bị thua lỗ do giá thép giảm mạnh. Việt Phát là nhà cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất thép nên hoạt động kinh doanh và biên lợi nhuận cũng bị ảnh hưởng theo.

Bước sang năm 2024, kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng được dự báo sẽ phục hồi yếu và sẽ đối mặt với nhiều rủi ro thách thức lớn do những diễn biến phức tạp sau thời kỳ Covid-19, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ nhân viên Công ty sẽ tiếp tục cùng nhau kiên định, đồng lòng vượt qua mọi thử thách để đưa Công ty tăng trưởng và vững bước trên chặng đường phát triển mới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã không ngừng nỗ lực, đoàn kết và đồng hành cùng Công ty. Đặc biệt tôi cũng xin bày tỏ lòng tri ân chân thành và sâu sắc đến toàn thể Quý vị Cổ đông, Quý khách hàng, Đối tác, đã luôn tin tưởng và dành cho Công ty sự ủng hộ và đồng hành vô cùng quý báu trong suốt chặng đường vừa qua.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN VĂN BÌNH

"Chúng tôi khao khát tạo ra tương lai của chính mình, chúng tôi tin sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi sẽ giúp Việt Phát định hướng tốt hơn cho tương lai ấy."

TẦM NHÌN

Chúng tôi muốn trở thành sự lựa chọn hàng đầu đối với tất cả Khách hàng và Đối tác, trở thành nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu hàng đầu trên cả nước, đáp ứng đa dạng các nhu cầu của khách hàng bằng các dịch vụ gia tăng sử dụng.

SỨ MỆNH

- Mang tới cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất.
- Thiết lập môi trường làm việc tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên Việt Phát.
- Là thương hiệu hợp tác chia sẻ, tin cậy dành cho Khách hàng và Đối tác.

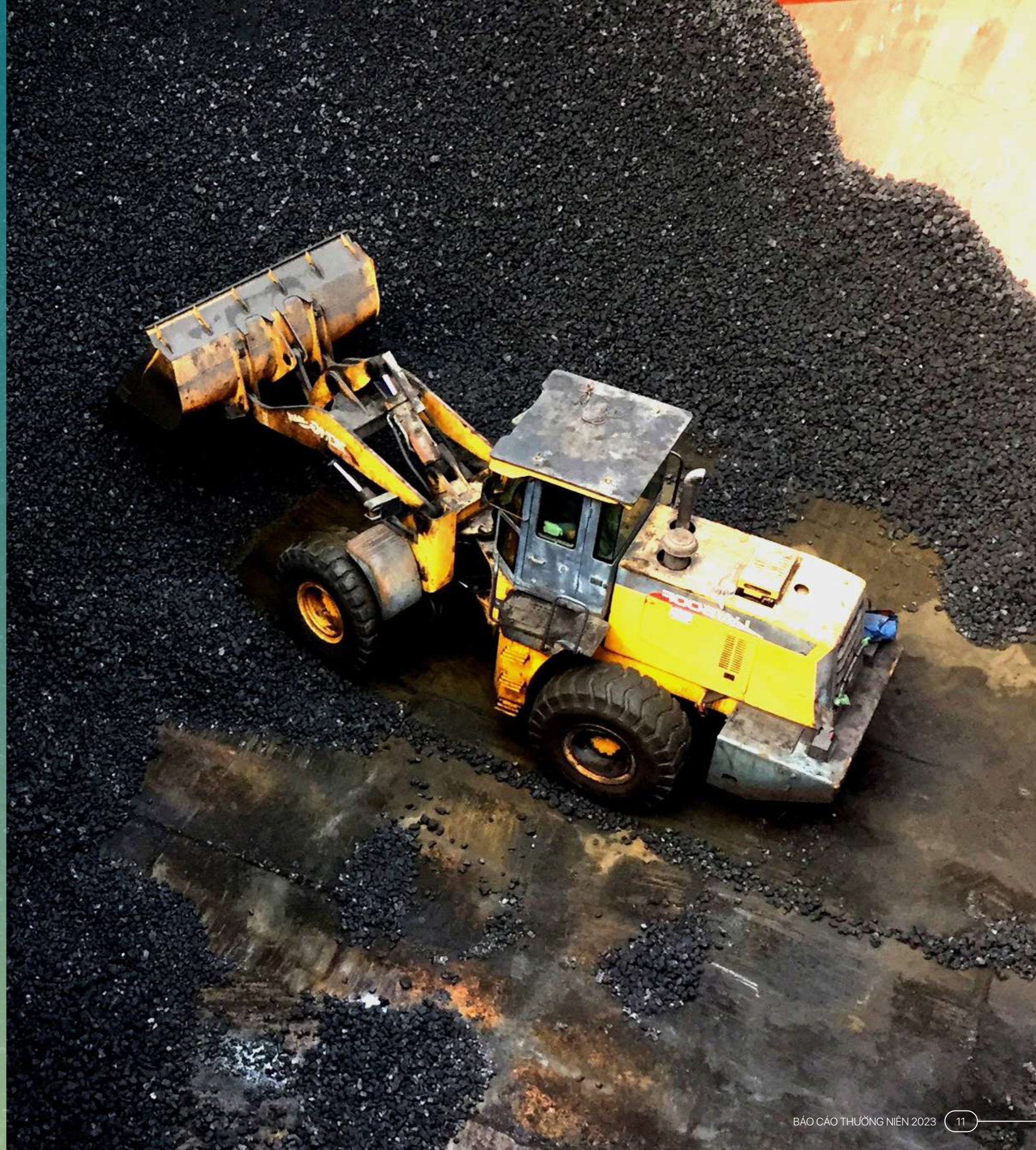
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Tôn trọng khách hàng:** Định hướng khách hàng là nền tảng mọi hoạt động.
- **Tôn trọng lợi ích:** Kết hợp hài hòa lợi ích khách hàng, cổ đông, nhân viên, và cộng đồng là sợi chỉ xuyên suốt mọi hoạt động.
- **Tôn trọng tập thể:** Xây dựng văn hóa Việt Phát theo phương châm tạo dựng một tập thể đoàn kết, tương trợ, văn minh, không ngừng học hỏi để hoàn thiện; luôn trao đổi thông tin để cùng tiến bộ.
- **Hoàn thiện mỗi ngày:** Công nghệ tiên tiến và quản trị thông tin có khoa học là cơ sở để tăng tốc và duy trì sức mạnh.
- **Trách nhiệm cá nhân:** Đội ngũ nhân viên luôn minh bạch và có tinh thần trách nhiệm, luôn thể hiện tính chuyên nghiệp và sáng tạo là cơ sở cho thành công của Công ty.

CHƯƠNG 02

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	17
Định hướng phát triển	22
Các rủi ro	24



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên tiếng Việt
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

Tên tiếng Anh
VIET PHAT IMPORT EXPORT TRADING
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt
VIETPHAT. JSC

Địa chỉ trụ sở chính
SỐ 123BT 02-97 BẠCH ĐẰNG, PHƯỜNG HẠ LÝ,
QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG,
VIỆT NAM

Nơi niêm yết
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Số 0200826844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày
23/07/2008, thay đổi lần thứ 16 ngày 27/02/2024

Email
info@vietphatjsc.com.vn

Phone
+84 (255) 3569.699

Fax
+84 (255) 3569.689

Website
<http://vietphatjsc.com.vn>



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

Mã chứng khoán: VPG

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)

84.207.071

Số lượng cổ phiếu niêm yết (cổ phiếu)

84.207.071

Vốn điều lệ (VND)

842.070.710.000

Vốn chủ sở hữu (VND)

1.492.989.416.666



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2008 - 2010

2008

Năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát được thành lập với 03 cổ đông sáng lập, tổng nhân sự khởi đầu khoảng 20 người và lĩnh vực kinh doanh chính chủ yếu là vận tải nội địa. Sang đến năm 2009, chỉ sau một năm hoạt động, Công ty đã nhanh chóng khẳng định được vị trí của mình tại khu vực phía Bắc và triển khai được hệ thống vận chuyển hàng hóa rộng khắp cả nước.

2010

Đến năm 2010, một loạt các thay đổi quan trọng đã đánh dấu bước ngoặt lớn của Việt Phát. Nhằm phù hợp hơn với định hướng mới của Công ty là không chỉ kinh doanh về mặt dịch vụ mà còn mở rộng phạm vi kinh doanh sang các lĩnh vực khác như kinh doanh thương mại, đầu tư, sản xuất... Trong giai đoạn này, Công ty đã triển khai nghiên cứu một loạt dự án xây dựng, tiêu biểu như: Gia công thép định hình, phân loại và kinh doanh quặng sắt tại Cụm Công nghiệp Quỳnh Phúc, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; Dự án xây dựng kho bãi, cầu cảng tại xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Qua đó, thị trường của Công ty cũng đã được mở rộng ra phạm vi toàn quốc, sản phẩm than cốc, quặng sắt, phôi thép, dịch vụ vận chuyển của Công ty đã có mặt tại nhiều tỉnh thành trong cả nước.

2014 - 2016

2014

Đến năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát đã trở thành một trong những Công ty có danh tiếng trong lĩnh vực cung ứng khoáng sản như quặng sắt, than cốc, titan... cho các công ty như: Công ty TNHH Thép DongBu Việt Nam, Công ty Cổ phần Gang Thép Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát, Công ty Cổ phần Gang Thép Cao Bằng,... tại Việt Nam.

2016

Theo danh sách FAST500 năm 2016, Việt Phát được xếp hạng 13. Bảng xếp hạng FAST500 năm 2016 đã ghi nhận kết quả công tác quản lý và sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Việt Phát trong các năm vừa qua. Việc Việt Phát được đánh giá, xếp hạng vào Bảng xếp hạng mang đẳng cấp Quốc gia và Quốc tế và trở thành hội viên của câu lạc bộ Fast500 góp phần nâng cao hình ảnh của Việt Phát. Năm trong kế hoạch huy động vốn để thực hiện mở rộng thị trường, tăng doanh thu, đến tháng 10/2016 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát đã thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng, nhằm bổ sung vốn lưu động.

2018 - 2020

2018

Ngày 18/01/2018, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), với mã chứng khoán VPG. Cũng trong năm 2018, Công ty đã nhận giải thưởng Top 100 Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2018, Top 10 thương hiệu, nhãn hiệu tin dùng năm 2018.

2019

Năm 2019, Công ty xếp hạng 471 trong Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500) và xếp hạng 370 trong Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Vietnam Profit 500).

2020

Năm 2020 là năm thứ 4 liên tiếp Công ty lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR 500). Cũng trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành 2 đợt tăng vốn điều lệ, đưa vốn Điều lệ của Công ty từ khoảng 264 tỷ đồng lên mức khoảng 391 tỷ đồng.

2021 - 2023

2021

Năm 2021, Công ty nhận giải thưởng Top 100 Sao vàng Đất Việt 2021. Công ty nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh năm 2021, Chi bộ Đảng Công ty cũng được Quận ủy Hồng Bàng công nhận là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021. Đây cũng là năm thứ 5 liên tiếp Công ty lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500).

2022

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và chào bán cổ phiếu riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để trả cổ tức nâng tổng vốn điều lệ của công ty lên khoảng 801 tỷ đồng. Năm 2022 cũng đánh dấu sự kiện bứt phá trong chiến lược kinh doanh khi Liên danh Việt Phát Danka Suez AG trúng thầu dự án cung cấp than nhiệt cho Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, tạo tiền đề để Việt Phát đẩy mạnh mảng cung cấp than nhiệt cho các công ty nhiệt điện than tại Việt Nam. Năm thứ 6 liên tiếp Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) đứng thứ 181. Đứng thứ 321 Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

2023

Năm 2023, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, nâng tổng vốn điều lệ của công ty từ 801 tỷ lên 842 tỷ đồng. Công ty mở rộng lĩnh vực kinh doanh than nhiệt khi tiếp tục trúng thầu tại Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Vũng Áng 1. Năm thứ 7 liên tiếp Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) đứng thứ 140. Đứng thứ 255 Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty được cấp Giấy chứng nhận ĐKDN số 0200826844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23/07/2008, thay đổi lần thứ 16 ngày 27/02/2024, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	STT	Tên ngành
1	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	13	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
2	Khai thác và thu gom than non	14	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao
3	Khai thác quặng sắt	15	Sản xuất sắt, thép, gang
4	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (quặng Bôxít)	16	Đúc sắt, thép, kim loại màu
5	Khai thác và thu gom than cứng	17	Thu gom rác thải độc hại
6	Sản xuất các kết cấu kim loại	18	Xây dựng công trình công ích, các công trình kỹ thuật dân dụng
7	Đóng tàu và cấu kiện nổi	19	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
8	Sửa chữa máy móc và thiết bị	20	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	21	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan
10	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	22	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
11	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	23	Vận tải hành khách đường bộ trong nội, ngoại thành
12	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	24	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Kinh doanh khoáng sản: Địa bàn hoạt động của Công ty là trên toàn quốc.
2. Bất động sản: Tập trung ở TP. Hải Phòng và các tỉnh, thành phố tại miền Bắc Việt Nam.
3. Các lĩnh vực khác: Địa bàn hoạt động của Công ty là trên toàn quốc.



3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Hiện nay, VPG đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm b, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát có 01 công ty con, 01 văn phòng giao dịch và 01 chi nhánh với các thông tin chi tiết như sau:

TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

- » Địa chỉ: Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam
- » Điện thoại: +84 (225) 356.9699
- » Fax: +84 (225) 356.9689
- » Website: <http://vietphatjsc.com.vn/>
- » Email: info@vietphatjsc.com.vn

CÁC CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH

Chi nhánh, phòng giao dịch hoạt động theo ủy quyền của Công ty và hạch toán kế toán phụ thuộc bao gồm:

1. Văn phòng giao dịch: Phòng 121-128 Tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 Lê Thánh Tông, P. Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
 - » Điện thoại: +84 (225) 356.9699
 - » Fax: +84 (225) 356.9689
2. Chi nhánh Hải Dương: Cảng Huy Văn, Thôn Cổ Phục Bắc, Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương
 - » Điện thoại: +84 (220) 3726.999
 - » Fax: +84 (220) 3726.998

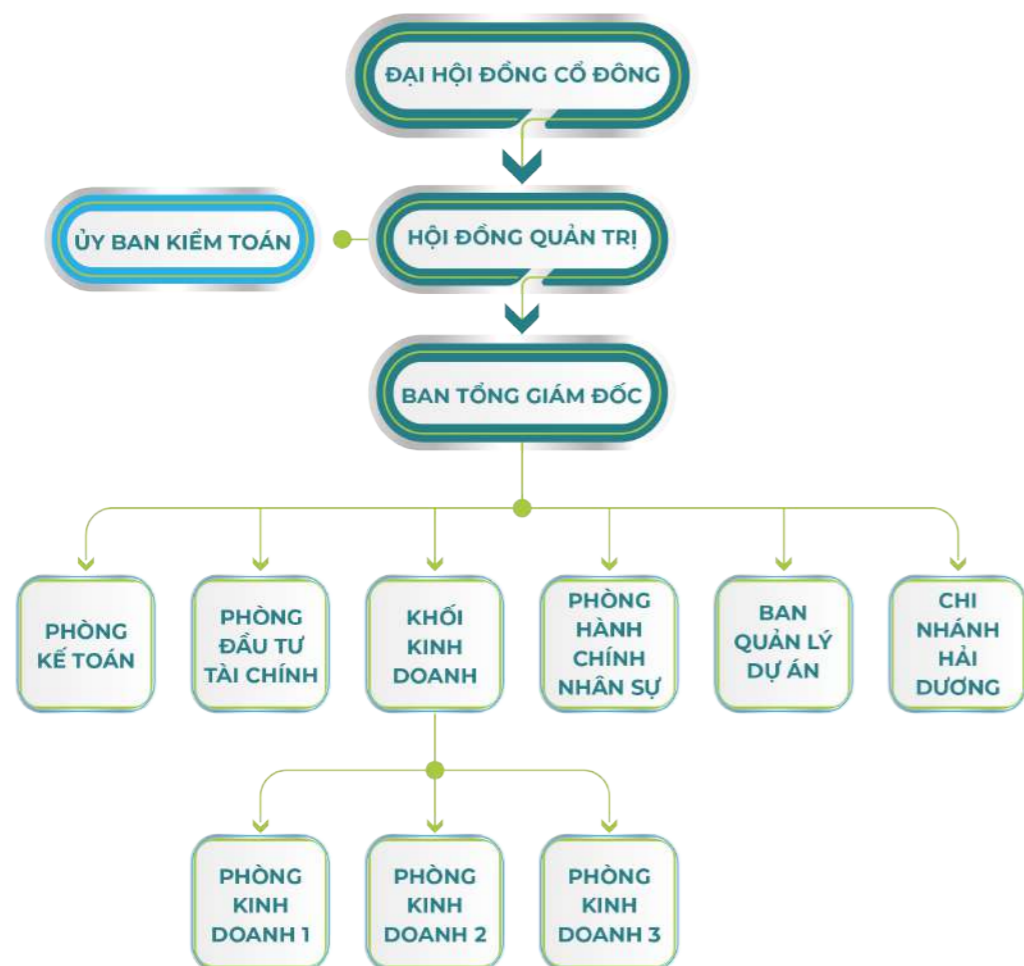
CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NEULAND

- » Địa chỉ: Số 11/lô 32 Khu Tái định cư Vinhomes, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng, Việt Nam.
- » Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; xây dựng; thương mại; vận tải;...
- » Vốn điều lệ: 300 tỷ đồng.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ: CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát được thành lập với 03 cổ đông sáng lập, tổng nhân sự khởi đầu khoảng 20 người và lĩnh vực kinh doanh chính chủ yếu là vận tải nội địa. Sang đến năm 2009, chỉ sau một năm hoạt động, Công ty đã nhanh chóng khẳng định được vị trí của mình tại khu vực phía Bắc, đã triển khai được hệ thống vận chuyển hàng hóa rộng khắp cả nước).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là 05 người.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán:

- Giám sát tính trung thực Báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty;
- Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty;
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;
- Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty;
- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan Báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
- Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;

Ủy ban kiểm toán hiện có 3 thành viên trong đó Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, 1 thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và 1 thành viên có chuyên ngành về kế toán.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong lĩnh vực nội chính và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÁC PHÒNG BAN

KHỐI KINH DOANH

Khối Kinh doanh là bộ phận đóng vai trò rất quan trọng đối với Công ty, với chức năng quan trọng là tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm Than cốc, Quặng kim loại, Than nhiệt, Sắt thép...; thực hiện các hợp đồng thương mại, giao nhận vận tải quốc tế, thực hiện nhiệm vụ kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty. Khối kinh doanh bao gồm 03 phòng kinh doanh, chuyên sâu kinh doanh từng mặt hàng cụ thể như sau:

- Phòng kinh doanh 1: Kinh doanh Than cốc
- Phòng kinh doanh 2: Kinh doanh Quặng, phôi thép, thép
- Phòng kinh doanh 3: Kinh doanh mặt hàng Than nhiệt

Các Phòng kinh doanh có những chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- Quản lý điều hành các công việc thuộc lĩnh vực kinh doanh - dịch vụ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Nghiên cứu tình hình về cung cầu, giá cả các sản phẩm khai khoáng, kim loại và quặng kim loại trên thị trường trong nước và xuất khẩu để xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh xuất nhập khẩu dài hạn;
- Chủ động nghiên cứu, đề xuất các phương án tổ chức kinh doanh đạt hiệu quả cao. Tổ chức công tác soạn thảo, rà soát, quản lý, ký kết các hợp đồng liên quan đến hoạt động kinh doanh, thương mại;
- Thực hiện các công tác về khuyến trương quảng bá thương hiệu, xây dựng thương hiệu và áp dụng thương mại điện tử vào việc hoạt động kinh doanh - dịch vụ của Công ty.



PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp, quản lý và kiểm soát rủi ro về tài chính, lên chiến lược và kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn của Công ty.
- Phân tích tổng thể tình hình tài chính của doanh nghiệp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ban Tổng giám đốc để điều chỉnh chính sách tài chính cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Quản trị dòng tiền: Xây dựng kế hoạch và thực hiện huy động vốn ngắn, trung và dài hạn để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cân đối vốn, tham mưu cho ban lãnh đạo sử dụng vốn một cách hiệu quả, đảm bảo uy tín, thương hiệu của công ty.
- Lập, thực hiện, quản lý các công việc liên quan đến quản trị công ty đại chúng niêm yết.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Thẩm định dự án, lập kế hoạch, hoàn tất các thủ tục đầu tư, quản lý và phát triển dự án.
- Quản lý và phát triển dự án: tìm hiểu và thuê tư vấn đấu thầu và duyệt các gói thầu; quan hệ ngoại giao với các ban ngành địa phương liên quan để giải quyết kịp thời các phát sinh.
- Giám sát quá trình xây dựng, tổ chức thi công, nghiệm thu hoàn công, thanh lý hợp đồng.

CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

Chức năng của chi nhánh:

- Tuyển chọn, sàng lọc, chế biến, than, quặng công suất khoảng 600.000 tấn/năm;
- Kinh doanh kho bãi, bảo quản hàng hóa, thành phẩm;
- Quản lý phương tiện thiết bị khối sản xuất, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về thuê, mua sắm mới máy móc, thiết bị.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến ngày 31/12/2023, Công ty có duy nhất 01 công ty con với thông tin như sau:

TÊN CÔNG TY CON	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NEWLAND
ĐỊA CHỈ	Số 11/lô 32 khu tái định cư Vinhomes, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất
VỐN ĐIỀU LỆ	300.000.000.000 đồng
TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA VPG	90% vốn điều lệ

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Trên định hướng phát triển của Ban lãnh đạo Công ty và kết quả đạt được trong những năm qua, mục tiêu của Công ty trong năm tiếp theo là:



1. Tiếp tục là nhà cung cấp nguyên liệu hàng đầu cho các nhà máy sản xuất thép:
 - Cung cấp nguyên liệu quặng sắt cho nhà máy luyện thép như Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương, Công Ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang, Dự kiến mỗi năm cung cấp sản lượng cho các nhà máy vào khoảng 1 triệu tấn/năm;
 - Cung cấp nguyên liệu than cốc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, Công Ty Cổ phần Luyện Kim Đen Thái Nguyên, Công ty TNHH Vinh Thịnh Tuyên Quang, Công Ty TNHH Gang Thép Tuyên Quang, Công Ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất từ 200.000 tấn đến 300.000 tấn;
 - Cung cấp phôi thép cho một số Nhà máy cán thép và thép thành phẩm cho các dự án, công trình lớn với sản lượng hàng năm dự kiến 10.000 tấn đến 20.000 tấn..



2. Đẩy mạnh tiêu thụ than nhiệt vào các Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn điện lực (EVN), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) như Nhiệt điện Sông Hậu, Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhiệt điện Vĩnh Tân, Nhiệt điện Hải Phòng, Nhiệt điện Duyên Hải... với sản lượng hàng năm từ 2 đến 3 triệu tấn và các nhà máy xi măng.
3. Đẩy mạnh dịch vụ vận tải, logistics cả chiều rộng và chiều sâu nhằm chuẩn bị một cách chủ động cho việc mở rộng và đẩy mạnh phát triển, lợi thế cạnh tranh của hoạt động thương mại hàng hóa.
4. Phát triển mảng đầu tư dự án, đặc biệt là dự án khu công nghiệp, trung tâm thương mại với các đối tác có uy tín thương hiệu không chỉ trong nước mà còn khắp thế giới.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

1. Trong 2 năm tới, Công ty sẽ:

- Trở thành nhà sản xuất, nhà cung cấp nguyên liệu hàng đầu trên cả nước, đáp ứng đa dạng các nhu cầu của khách hàng bằng các dịch vụ gia tăng sử dụng; đặc biệt sẽ là đơn vị ngoài quốc doanh đi đầu trong lĩnh vực cung cấp than nhiệt cho các nhà máy xi măng và nhà máy nhiệt điện;
- Mang tới cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất;
- Thiết lập môi trường làm việc tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên của Công ty;
- Đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và đủ sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư mới;
- Góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp tiềm năng, gia tăng hiệu quả hoạt động cho Công ty.

2. Trong 3 - 5 năm tới, Công ty sẽ triển khai đầu tư phát triển cảng thủy nội địa để đẩy mạnh dịch vụ logistics cả chiều rộng và chiều sâu nhằm chuẩn bị một cách chủ động cho việc mở rộng, phát triển hoạt động thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ logistics.

3. Trong vòng 10 năm tới, theo xu hướng chuyển dịch năng lượng (năng lượng xanh) Công ty sẽ triển khai đầu tư công nghệ sản xuất nhiên liệu xanh – sạch.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Công ty luôn gắn liền sự tăng trưởng, phát triển của doanh nghiệp với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Trong đó, mục tiêu phát triển doanh nghiệp là mục tiêu quan trọng nhất, thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc kết hợp phát triển doanh nghiệp gắn trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Công ty.

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỦI RO



Quản trị rủi ro là quá trình xuyên suốt, là một phần không thể thiếu trong tất cả các quy trình của Công ty. Đặc biệt, quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Công ty, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Công ty.



Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán.

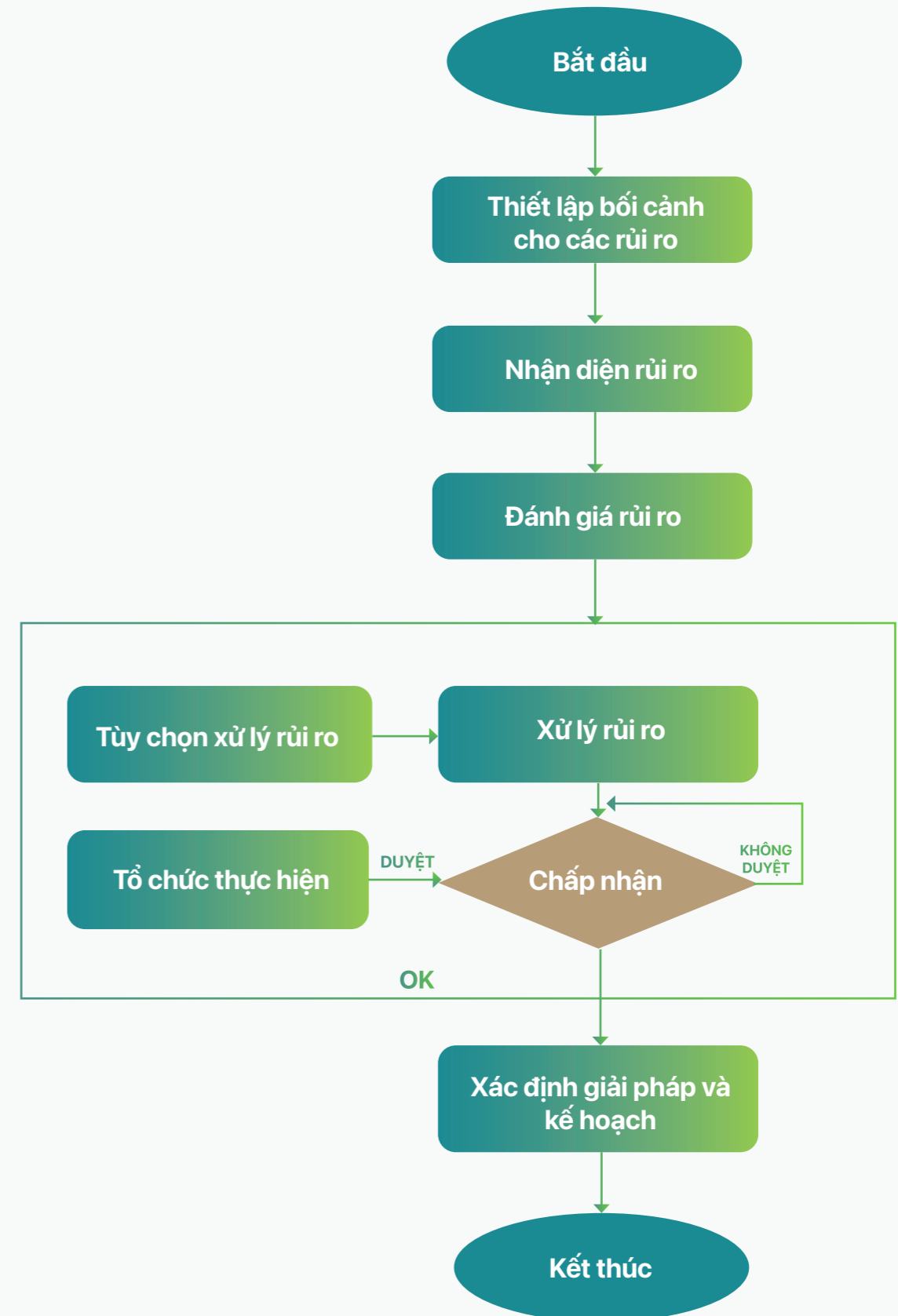


Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty.



Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của Tập đoàn và bối cảnh thị trường.

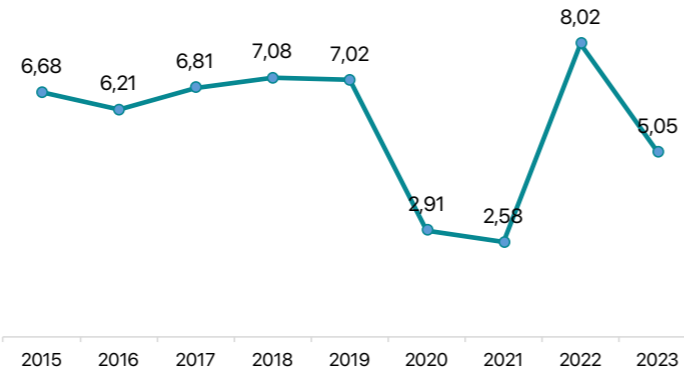
QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



01

RỦI RO KINH TẾ

Tăng trưởng GDP giai đoạn 2015 - 2023



Là một công ty kinh doanh chính là khai thác, kinh doanh khoáng sản và bất động sản, kết quả hoạt động của Công ty phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng và diễn biến của nền kinh tế nói chung.

Năm 2023, kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phải đối mặt với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP), nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư âm ảm, thiên tai, biến đổi khí hậu, hậu quả Covid -19 kéo dài, cuộc chiến Nga - Ukraine và một số xung đột trên thế giới tiếp tục đè nặng lên các hoạt động kinh tế. Mức tăng trưởng GDP năm 2023 đạt 5,05% (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%); trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%; công nghiệp, xây dựng tăng 3,74% (riêng công nghiệp tăng 3,02%) và dịch vụ tăng cao nhất với 6,82% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,33%. Tuy nhiên trong năm ngành khai khoáng giảm 3,17% làm giảm 0,1 điểm phần trăm.

Bước sang năm 2024, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng nền kinh tế của Việt Nam. Hậu quả của đại dịch Covid 19 vẫn còn tiếp diễn. Khả năng phục hồi của kinh tế toàn cầu chưa rõ ràng. Trong nước, Quốc hội đã đề ra mục tiêu tăng trưởng năm 2024 đạt mức 6 -6,5% tạo động lực phát triển cho nền kinh tế.

02

RỦI RO LẠM PHÁT

CPI bình quân Việt Nam (%) giai đoạn từ 2015 - 2023



Ngoài tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Năm 2023 lạm phát ở các nền kinh tế phát triển và mới nổi lớn nhất đang có dấu hiệu đạt đỉnh khi tăng trưởng kinh tế chậm lại và nhu cầu điều tiết giúp hạn chế tăng trưởng giá. Ở Việt Nam, CPI bình quân cả năm 2023 lạm phát ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Tuy nhiên, áp lực lạm phát năm 2024 vẫn còn khá lớn khi Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao, Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Bên cạnh đó, đô la Mỹ tăng giá càng làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, gây sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa trong nước.

03

RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

Các yếu tố rủi ro với tỷ giá vẫn hiện hữu do đà tăng của lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ chưa có dấu hiệu hạ nhiệt rõ nét trong bối cảnh nguồn cung trái phiếu chính phủ Mỹ tăng cao do Chính phủ Mỹ tăng phát hành bù đắp thâm hụt ngân sách và Fed từng bước thu hẹp chương trình định lượng (QE). Bên cạnh đó, bối cảnh trong nước cũng không thật sự thuận lợi cho tỷ giá. Chênh lệch lãi suất VND - USD vẫn âm sâu, với kỳ hạn 1 tuần dự kiến bình quân quanh khoảng -3,5% do sự phân kỳ về chính sách tiền tệ giữa ngân hàng trung ương hai nước. Trong năm 2024, thách thức được dự báo tiếp tục đến từ mức chênh lệch lãi suất USD - VND trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất huy động USD trong nước và nước ngoài. Nhưng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vẫn luôn thể hiện quyết tâm cao độ để ổn định tỷ giá đối hoái, phục vụ nhu cầu ngoại tệ của người dân và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, trong đó có CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát.

04

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và lĩnh vực khai thác, kinh doanh khoáng sản và bất động sản của Công ty nói riêng. Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan, và các đạo luật liên quan khác. Với tư cách là một doanh nghiệp đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Như vậy, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, trong quá trình hội nhập, các doanh nghiệp còn phải đối mặt với các rào cản thương mại ngày càng gia tăng từ các thị trường nhập khẩu lớn như Mỹ, EU với các yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ, trách nhiệm xã hội, nhân mác sinh thái, bảo vệ môi trường,... đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp.

05

RỦI RO MÔI TRƯỜNG, RỦI RO KHÁC

Là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác, kinh doanh khoáng sản và bất động sản, các rủi ro môi trường không ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên các rủi ro như thiên tai, dịch họa (lũ lụt, hạn hán) hay do tai nạn (cháy, nổ,...) là những rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty.



CHƯƠNG 03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	30
Tổ chức và nhân sự	32
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	40
Tình hình tài chính	44
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	46





1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Năm 2023 là một năm đầy biến động của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng, khi các nền kinh tế dương đầu với lạm phát và lãi suất cao, mức nợ lớn...; là hệ quả của thời kỳ chống dịch và căng thẳng chính trị. Trong bối cảnh đó, Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên của Việt Phát đã rất nỗ lực để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, và đạt được một số kết quả như sau:



DOANH THU THUẦN
ĐVT: Tỷ đồng

6.338



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
ĐVT: Tỷ đồng

19

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5.525	6.338	813	14,72%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	63	19	-43	-69,00%
Thuế TNDN (tỷ đồng)	18	8	-10	-57,06%

Doanh thu năm 2023 đạt 6.338 tỷ đồng, tăng 813 tỷ (tương đương 14,72%) so với năm 2022. Nguyên nhân do công ty đã có những bước tiến về chiến lược kinh doanh, marketing phát triển khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty đã tìm kiếm và phát triển thêm nguồn quặng sắt có nguồn gốc Campuchia với chất lượng tốt, trữ lượng lớn, phát triển thêm nguồn than cốc có nguồn gốc Indonesia, là tiền đề cho sự tăng trưởng về doanh thu. Trong năm 2023, Công ty cũng đã thành công mở rộng thị phần trên thị trường than nhiệt, cụ thể: Công ty đã trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp 2,5 triệu tấn than nhiệt vào Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, 300 nghìn tấn than vào Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, vượt qua vòng kỹ thuật thành công vào shortlist của Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Duyên Hải 3.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 19 tỷ đồng, giảm 43 tỷ đồng (tương ứng giảm 69,00%) so với năm 2022. Nguyên nhân đến từ việc thị trường bất động sản đóng băng, các công trình xây dựng đang đình trệ khiến cho nhu cầu thép xây dựng giảm mạnh, giá thép đã có 19 lần giảm liên tục trong năm 2023. Ngoài ra, lãi suất huy động, cho vay tăng đáng kể từ cuối tháng 10/2022 và duy trì đến giữa năm 2023. Đặc biệt, do tỷ giá và lãi suất USD luôn duy trì ở mức cao, phí UPAS tăng mạnh từ mức 3,3% năm 2022 lên 7,2% trong năm 2023, dẫn đến chi phí tài chính trong năm 2023 tăng mạnh so với năm 2022.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty đề ra. Doanh thu thuần năm 2023 đạt 6.338 tỷ tăng 14,72% so với thực hiện năm 2022 và hoàn thành 115% kế hoạch năm 2023, Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 19 tỷ giảm 69,00% so với năm 2022 và bằng 17,62% so với kế hoạch năm 2023.

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5.500	6.338	838	15,23%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	110	19	-91	-82,38%
Thuế TNDN (tỷ đồng)	27	7,8	-19	-71,10%

Năm 2023 Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế không hoàn thành như kế hoạch đã đề ra. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả tích cực về chiến lược kinh doanh, marketing phát triển khách hàng tạo đà cho kế hoạch kinh doanh dài hạn của Công ty các năm tiếp theo, cụ thể:

- Triển khai cung cấp mặt hàng than nhiệt cho các nhà máy nhiệt điện;
- Tìm kiếm và phát triển thêm nguồn quặng sắt có nguồn gốc Campuchia với chất lượng tốt, trữ lượng lớn;
- Phát triển thêm nguồn than cốc có nguồn gốc Indonesia;
- Duy trì sản lượng và thị phần cung cấp than cốc số 1 thị trường Việt Nam;
- Giữ vững hệ thống khách hàng truyền thống, phát triển thêm khách hàng mới.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĂN BÌNH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
21.715.125 cổ phiếu

Tỷ lệ
25,79%



Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
2.835.388 cổ phiếu

Tỷ lệ
3,37%

Quá trình công tác

06/2001 - 02/2006 Giám đốc Công ty TNHH Hải Nam

03/2006 - 05/2013 Công ty TNHH Thương mại vận tải Âu Việt

Từ 07/2008 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát

Chủ tịch HĐQT Đầu tư Khu công nghiệp Tiên Thanh

Quá trình công tác

08/2011-05/2013 Nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

06/2013-11/2014 Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

12/2014 - 02/2020 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

03/2020 đến nay Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phát





Ông NGUYỄN KHÔI

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
0 cổ phiếu

Tỷ lệ
0%

Quá trình công tác

Từ 06/2006 - 12/2010	Phó Ban quản lý các dự án Nhà máy đóng tàu Dung Quất
Từ 01/2011 - 06/2011	Cán bộ giám sát Công ty Công trình giao thông Hải Phòng
Từ 06/2011 - 04/2016	Phó Ban quản lý các dự án Viện Khoa học công nghệ tàu thủy
Từ 11/2013 - 04/2014	Kiểm nhiệm thêm Trợ lý Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Định Công
Từ 04/2014 - 04/2016	Kiểm nhiệm thêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Định Công
Từ 04/2016 - 01/2017	Giám đốc Trung tâm Công trình ven bờ và Nhà máy đóng tàu thuộc Viện Khoa học công nghệ tàu thủy
Từ 01/2017 - 11/2017	Giám đốc Công ty Cổ phần Viện công nghệ tàu thủy Việt Nam
Từ 11/2017 - 06/2021	Chuyên viên Phòng phát triển dự án Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát
Từ 07/2021 đến nay	Trưởng phòng Phát triển Dự án Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát
Từ 04/2019 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát
Từ 05/2021 đến nay	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Tiên Thanh



Bà LÊ THỊ THANH LỆ

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
3.811.500 cổ phiếu

Tỷ lệ
4,53%

Quá trình công tác

2009 - 2013	Thủ quỹ Công ty TNHH Thương mại vận tải Âu Việt
2013 - 2015	Giám đốc Công ty TNHH Thương mại vận tải Âu Việt
Từ 2017 đến nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng NewLand



Ông LÊ ĐÌNH ĐIỀU

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kiêm thành viên Ủy ban kiểm toán

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
105.535 cổ phiếu

Tỷ lệ
0,13%

Quá trình công tác

Từ 1978 - 1981	Học viên Trường Công An Hải Phòng
Từ 1982 - 1999	Cán bộ Công an Hồng Bàng
Từ 1999 - 2013	Phó trưởng CA phường Minh Khai Công an quận Hồng Bàng
Từ 2014 đến nay	Hưu trí

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Ông NGUYỄN KHÔI

Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

(Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị) (Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị)

Ông LÊ ĐÌNH ĐIỀU

Thành viên Ủy ban kiểm toán



Bà NGÔ THỊ MINH LỰA

Thành viên Ủy ban kiểm toán

Năm sinh: 1990

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
244.232 cổ phiếu

Tỷ lệ
0,29%

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN VĂN ĐỨC

Tổng Giám đốc

(Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị) (Thông tin đã giới thiệu ở phần Hội đồng quản trị)

Bà LÊ THỊ THANH LỆ

Phó Tổng Giám đốc



Bà NGUYỄN THỊ MAI HOA

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị tài chính kế toán

Số cổ phiếu VPG nắm giữ:
2.820 cổ phiếu

Tỷ lệ
0,003%

Quá trình công tác

Từ 2012 - 2013 Kế toán viên Công ty TNHH dược phẩm Hoa Linh

Từ 2013 - 2015 Kế toán viên Công ty Cổ phần Phần mềm – Tự động hóa – Điều khiển

Từ 2016 - 2018 Nhân viên kinh doanh Công ty Cổ phần Vĩnh Thắng

Từ 2018 - nay Kế toán viên Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không

Quá trình công tác

Từ 2000 - 2005 Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Daso Hải Phòng

Từ 2005 - 2010 Kế toán tổng hợp kiêm Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Daso Hải Phòng

Từ 2010 - 2013 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Từ 2013 - 2015 Kế toán trưởng Công ty TNHH Đức Anh

Từ 2015 - 2016 Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Từ 2016 - 2019 Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Từ 2019 - nay Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

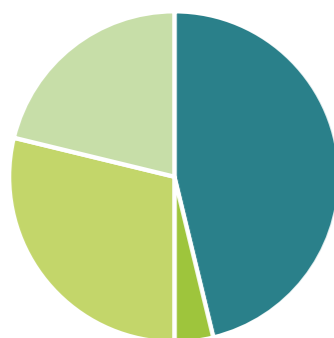
Không



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Theo trình độ lao động		
- Cử nhân, Kỹ sư	61	46,21%
- Cao đẳng	5	3,79%
- Trung học chuyên nghiệp	38	28,79%
- Phổ thông trung học	28	21,21%
II. Theo giới tính		
- Lao động nữ	32	24,24%
- Lao động nam	100	75,76%
Tổng cộng	132	100%

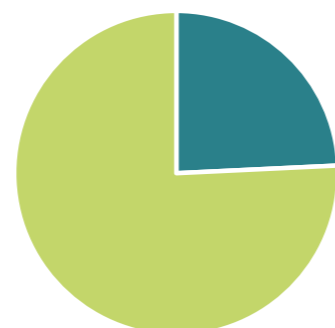
Theo trình độ lao động



■ Cử nhân, Kỹ sư ■ Cao đẳng
■ Trung học chuyên nghiệp ■ Phổ thông trung học



Theo giới tính



■ Lao động nữ ■ Lao động nam



CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

VỀ THU NHẬP

Mức thu nhập bình quân của người lao động Công ty trong năm 2023 là 12,5 triệu đồng/tháng, tăng 1,3 triệu đồng (tương ứng 12%) so với năm 2022.

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 h. Thực hiện nghỉ vào chiều thứ 7 và ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn phát triển lâu dài cho Công ty.

VỀ ĐÀO TẠO

Chính sách đào tạo cho người lao động luôn được Công ty chú trọng. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát đã xây dựng Quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG

Công ty đã ban hành quy chế tiền lương thưởng dựa trên sự đóng góp của từng lao động vào sự phát triển của Công ty. Ngoài các đợt khen thưởng trong các dịp lễ, tết của quốc gia, Công ty còn có những chính sách thưởng đột xuất đối với các cá nhân và tập thể có những đóng góp nổi bật hoặc có những ý tưởng và giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả trong quá trình sản xuất. Tiền lương, phụ cấp lương dựa trên thang bảng lương đăng ký với Phòng Lao động TBXH Quận có thỏa thuận với người lao động. Đối với tiền thưởng: Công ty thực hiện chế độ thưởng đối với người lao động theo quy chế lương thưởng tại Công ty tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong quý, trong năm, và kết quả phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hàng năm, Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát, khuyến học cho con em người lao động; Tặng quà cho người lao động trong các dịp lễ tết, sinh nhật; Kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ khi có khó khăn. Công ty thực hiện các chính sách từ thiện xã hội tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần đóng góp phúc lợi xã hội.

CHÍNH SÁCH TRỢ CẤP

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về trợ cấp đối với người lao động theo đúng quy định hiện hành, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được thêm phụ cấp độc hại, trợ cấp xa gia đình (nếu được điều động đi công tác dài hạn cách xa nơi cư trú).

Nhìn chung, các chính sách đối với người lao động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát thực hiện trong những năm qua đã thực sự đem lại hiệu quả, tạo ra sự cạnh tranh thi đua trong công việc, tạo động lực và giữ vững niềm tin nơi người lao động để họ tiếp tục gắn bó và cống hiến hết mình cho Công ty.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Dự án Cảng thủy nội địa tại xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Tên dự án	Cảng thủy nội địa Việt Phát
Diện tích đất	9,75 ha
Tổng mức đầu tư	419 tỷ đồng
Vị trí	Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương
Tiến độ thực hiện	3 năm
Mục đích	Hiện tại Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch cảng thủy nội địa tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.
Tình hình thực hiện dự án	Đầu tư bãi tập kết, cảng thủy nội địa kinh doanh vật liệu xây dựng và trung chuyển hàng hóa. Ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, căn cứ quy hoạch chung này, dự kiến quý 3 năm 2024 dự án sẽ hoàn thiện đề xuất để báo cáo UBND tỉnh Hải Dương.

Dự án Bắc sông Cẩm: Thi công san lấp mặt bằng gói thầu 3.23

Về diện tích	<ul style="list-style-type: none"> Diện tích theo hợp đồng: 76,49 ha Diện tích theo thiết kế điều chỉnh đã được phê duyệt: 78,94 ha Diện tích Chủ đầu tư bàn giao khoảng: 58,4ha (đạt 74%) Diện tích có thể thi công: 57,1ha (đạt 72,3% tổng mặt bằng gói thầu)
Về giá trị	<ul style="list-style-type: none"> Giá trị gói thầu đã ký kết: 219.015.092.000 đồng. Giá trị gói thầu sau điều chỉnh: 212.075.203.000 đồng. Khối lượng thi công: đạt 91% khối lượng hợp đồng



Dự án Khu nhà ở thương mại tại Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

Diện tích đất	24.370 m ²
Sản phẩm dự án	174 căn nhà liền kề và 01 công trình văn phòng dịch vụ thương mại
Tình hình thực hiện dự án	<ul style="list-style-type: none"> Công trình nhà ở thương mại thấp tầng: Đã bàn giao nhà cho khách hàng 174 căn, đạt 100%. Công trình văn phòng thương mại dịch vụ: đang xin phê duyệt quy hoạch bổ sung tầng hầm phục vụ nhu cầu đỗ xe công trình văn phòng thương mại, hiện tại các sở ngành đã hoàn thiện các ý kiến tham vấn, dự kiến trình UBND thành phố Hải Phòng trong quý 2 năm 2024. Công tác lập và điều chỉnh thiết kế bổ sung tầng hầm dự kiến hoàn thiện trong quý 3 năm 2024.

Công trình nâng cấp, cải tạo Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Tên dự án	Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát.
Quy mô công trình	Công trình bao gồm: 13 tầng + 01 hầm. Tổng Diện tích sàn: 5.460m ²
Địa điểm	Số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
Tổng mức đầu tư	68 tỷ đồng
Tình hình thực hiện dự án	Cơ bản hoàn thành công tác sửa chữa, cải tạo mặt dựng, hệ thống cơ điện, ốp, lát, lắp đặt thiết bị, nội thất đồ liền tường... sẵn sàng đi vào hoạt động trong quý 1 năm 2024

Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Đơn vị thực hiện	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Newland (Công ty do Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát sở hữu 90% vốn điều lệ).
Diện tích đất	18.003 m ²
Tiến độ thực hiện	36 tháng
Tổng mức đầu tư	800 tỷ
Sản phẩm	124 căn liền kề diện tích, mỗi căn gồm 05 tầng diện tích mỗi sàn từ 67-100 m ²
Tình hình thực hiện dự án	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế, thẩm định, thẩm duyệt PCCC, cấp giấy phép xây dựng, triển khai thi công hoàn thành cơ bản hạng mục hạ tầng kỹ thuật, hoàn thành phần móng cọc công trình nhà ở liền kề, phần công trình nhà ở liền kề đang tiến hành thi công phần móng và kết cấu, dự kiến bàn giao nhà tháng 7 năm 2024. Ngày 01/02/2024 dự án đã được chấp thuận đủ diện kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland được thành lập ngày 18/10/2022 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202177384 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng trong đó Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát sở hữu 90% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland đang đầu tư thực hiện Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Công ty liên kết

Công ty không có công ty liên kết

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ lệ
1	Tổng tài sản	535.019	591.574	111%
2	Doanh thu thuần	-	14.420	100%
3	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(54)	(940)	
4	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(43)	(797)	



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Tổng giá trị tài sản (tỷ đồng)	5.977	7.155	1.178	19,71%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	5.525	6.338	813	14,72%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	33	30	-3	-8,67%
Lợi nhuận khác (tỷ đồng)	48	(3)	-51	-106,32%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	81	27	-54	-66,31%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	63	19	-43	-69,00%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Payout ratio)	76,96%	217%	3,04	

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,23	1,22
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,77	0,66
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,75	0,79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	3,04	3,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	4,03	2,44
Vòng quay tổng tài sản (lần)	1,32	0,97
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,13%	0,31%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	5,22%	1,30%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	1,50%	0,30%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	0,60%	0,48%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	722	220

01 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tại thời điểm 31/12/2023, hệ số thanh toán hiện hành của công ty đạt 1,22 lần tăng so với thời điểm 31/12/2022 và vượt trên ngưỡng tiêu chuẩn là 1, cho thấy khả năng sử dụng các tài sản ngắn hạn để thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn trong vòng 1 năm của Công ty được đảm bảo. Hệ số thanh toán nhanh lại giảm so với thời điểm 31/12/2022, đạt 0,66 lần. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh tại thời điểm 31/12/2022 và 31/12/2023 đều vẫn thuộc ngưỡng tốt nhất từ 0,5 -1.

02 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu phản ánh cơ cấu vốn là các hệ số Nợ/ Tổng tài sản và hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt là 0,79 và 3,79 lần, tăng so với mức 0,75 và 3,04 lần vào thời điểm 31/12/2022. Một phần Nợ phải trả được đảm bảo bằng Tiền và các khoản tương đương tiền, trường hợp các khoản Nợ phải trả được trả hết bằng Tiền và các khoản tương đương tiền thì hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu năm 2023 là 2,76 lần. Chỉ tiêu Nợ/ Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2023 là 0,79 cho thấy trên 2/3 giá trị tài sản của công ty hiện đang được tài trợ bởi nợ vay có phát sinh lãi, tăng nhẹ so với tỷ lệ tương ứng 5,19% trong năm 2022. Mặc dù tỷ trọng nghĩa vụ nợ nói chung và nợ vay nói riêng trong cơ cấu nguồn vốn 2023 đều tăng so với năm 2022, song vẫn cho thấy mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính đang được kiểm soát ở 1 tỷ lệ tương đối ổn định.

03 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

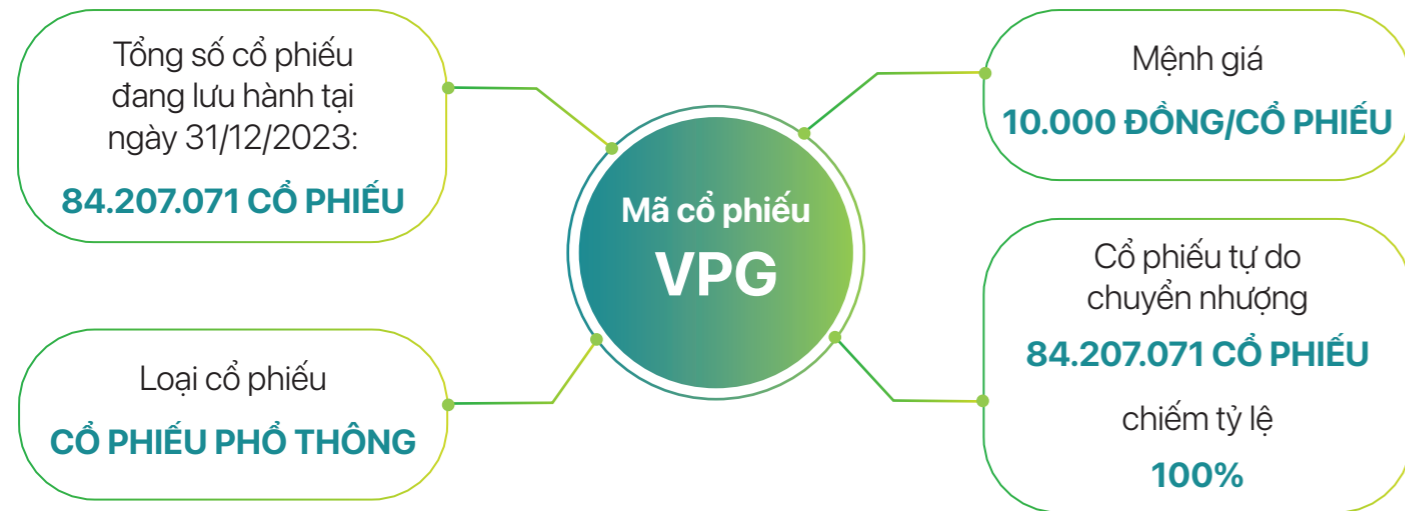
Trong năm 2023, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của VPG là 2,44 vòng, giảm 1,59 vòng so với năm 2022 cho thấy kỳ luân chuyển hàng tồn kho của Công ty có xu hướng bị kéo dài. Trong năm 2023, trị giá hàng tồn kho bình quân tăng 86,94% yoy, đạt 2.437 tỷ đồng trong khi giá vốn hàng bán tăng chậm hơn ở mức 32,69% yoy, đã khiến kỳ luân chuyển hàng tồn kho của Công ty tăng từ 90 lên 149 ngày. Tại thời điểm 31/12/2023, tổng giá trị hàng tồn kho là 2.994 tỷ trong đó có khoảng 1.661 tỷ hàng than nhiệt đã giao cho khách hàng nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu do chờ kết quả giám định chất lượng và biên bản nghiệm thu của khách hàng. Bên cạnh đó, chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản cũng có sự sụt giảm trong năm vừa qua, đạt 0,98 vòng giảm tương ứng với tỷ lệ 26,96% so với năm 2022. Nguyên nhân so tốc độ tăng của doanh thu thuần thấp hơn tốc độ tăng của tổng tài sản dẫn tới vòng quay tổng tài sản giảm.

04 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời năm 2023 đều giảm so với năm 2022. Các hệ số ROS, ROE và ROA đồng thời giảm so với 2022, lần lượt đạt 0,31%, 1,31% và 0,30%. Nguyên nhân là do doanh thu thuần, quy mô vốn chủ sở hữu và tài sản của Công ty tăng lên trong khi LNST đang suy giảm. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đạt 0,48% giảm tương ứng với tỷ lệ 20,38% so với năm 2022.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2023

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	7.010	83.979.109	99,73
Cổ đông tổ chức	30	800.334	0,95
Cổ đông cá nhân	6.980	83.178.775	98,78
II. Cổ đông nước ngoài	45	227.962	0,27
Cổ đông tổ chức	8	109.924	0,13
Cổ đông cá nhân	37	118.038	0,14
III. Cổ phiếu Quỹ	-	-	0
Tổng cộng	7.055	84.207.071	100

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2023

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CCCD	Số cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Bình	Số 31/31 Bến Bình , Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng	030073000067	21.715.125	25,79%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận
1	23/07/2008	25.000.000.000	25.000.000.000	Góp vốn của các cổ đông sáng lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
2	21/05/2014	75.000.000.000	100.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư có nhu cầu	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
3	01/10/2016	100.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư có nhu cầu	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
4	07/08/2018	29.999.930.000	229.999.930.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
5	27/06/2019	34.498.820.000	264.498.750.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
6	10/07/2020	85.501.250.000	350.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
7	18/09/2020	41.998.140.000	391.998.140.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
8	06/07/2021	39.198.740.000	431.196.880.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
9	20/01/2022	297.882.400.000	729.079.280.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng và chào bán riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
10	13/06/2022	72.904.080.000	801.983.360.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng
11	31/07/2023	40.087.350.000	842.070.710.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không

CHƯƠNG 04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	50
Tình hình tài chính	51
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	53
Kế hoạch phát triển trong tương lai	54



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty đề ra. Doanh thu thuần năm 2023 đạt 6.338 tỷ tăng 14,72% so với thực hiện năm 2022 và hoàn thành 115% kế hoạch năm 2023, Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 19 tỷ giảm 68,87% so với năm 2022 và bằng 17,69% so với kế hoạch năm 2023.

Một số nguyên nhân đã làm ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023, cụ thể như sau:

1. Mặt hàng quặng sắt và than cốc chịu ảnh hưởng nhiều từ thị trường thép Việt Nam và thế giới. Từ cuối năm 2022 đến nay, phần lớn các doanh nghiệp ngành thép Việt Nam đều đang gặp không ít khó khăn, thách thức do thị trường bất động sản đóng băng, các công trình xây dựng đang đình trệ khiến cho nhu cầu thép xây dựng giảm mạnh, giá thép đã có 19 lần giảm liên tục trong năm 2023. Đồng thời, từ tháng 10/2023, chính phủ Lào bắt đầu áp thuế xuất khẩu mặt hàng quặng sắt là 10%, khiến chi phí nhập khẩu quặng Lào năm 2023 tăng đáng kể so với năm 2022. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến biên lợi nhuận của mặt hàng quặng sắt và than cốc năm 2023 giảm so với năm 2022. Tuy ngành quặng sắt và than cốc gặp rất nhiều khó khăn, nhưng trong năm 2023, Công ty đã tìm kiếm và phát triển thêm nguồn quặng sắt có nguồn gốc Campuchia với chất lượng tốt, trữ lượng lớn, phát triển thêm nguồn than cốc có nguồn gốc Indonesia, là tiền đề cho sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận trong các năm tiếp theo.

2. Trong năm 2023, Công ty đã thành công mở rộng thị phần trên thị trường than nhiệt, cụ thể: Công ty đã trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp 2,5 triệu tấn than nhiệt vào Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, 300 nghìn tấn than vào Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, vượt qua vòng kỹ thuật thành công vào shortlist của Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Duyên Hải 3; qua đó, đã góp phần tăng doanh thu mảng than nhiệt nói riêng và tổng doanh thu năm 2023. Đây cũng là tiền đề cho việc tăng trưởng của công ty trong các năm tới. Giá than nhiệt trong năm 2023 vẫn ở mức cao so với mặt bằng chung nhiều năm trước, khiến biên lợi nhuận trong mảng than nhiệt ở mức thấp so với kế hoạch đề ra.

3. Ngoài ra, lãi suất huy động, cho vay tăng đáng kể từ cuối tháng 10/2022 và duy trì đến giữa năm 2023. Đặc biệt, do tỷ giá và lãi suất USD luôn duy trì ở mức cao, phí UPAS tăng mạnh từ mức 3,3% năm 2022 lên 7,2% trong năm 2023, dẫn đến chi phí tài chính trong năm 2023 tăng mạnh so với năm 2022.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2023 Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế không hoàn thành như kế hoạch đã đề ra. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả tích cực về chiến lược kinh doanh, marketing phát triển khách hàng tạo đà cho kế hoạch kinh doanh dài hạn của Công ty các năm tiếp theo, cụ thể:

- Triển khai cung cấp mặt hàng than nhiệt cho các nhà máy nhiệt điện;
- Tìm kiếm và phát triển thêm nguồn quặng sắt có nguồn gốc Campuchia với chất lượng tốt, trữ lượng lớn;
- Phát triển thêm nguồn than cốc có nguồn gốc Indonesia;
- Duy trì sản lượng và thị phần cung cấp than cốc số 1 thị trường Việt Nam;
- Giữ vững hệ thống khách hàng truyền thống, phát triển thêm khách hàng mới.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÀI HÌNH TÀI SẢN

Tài sản	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.529	1.532	3	0,18%
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.510	1.874	364	24,13%
Hàng tồn kho	1.880	2.994	1.115	59,30%
Tài sản ngắn hạn khác	84	60	(23)	-27,96%
Các khoản phải thu dài hạn	300	0,61	(300)	-99,80%
Tài sản cố định	53	52	(1)	-2,59%
Tài sản dở dang dài hạn	462	482	20	4,41%
Đầu tư tài chính dài hạn	158	158	-	0,00%
Tài sản dài hạn khác	1	2	0	35,87%

Tại thời điểm 31/12/2023, Tổng tài sản đạt 7.155 tỷ đồng, tăng 1.178 tỷ đồng tương ứng tăng trưởng 19,71% so với đầu năm. Trong đó: Tài sản ngắn hạn đạt 6.461 tỷ đồng, tăng trưởng 1.458 tỷ đồng tương ứng tăng 29,15% so với đầu năm; chiếm 90,30% quy mô tổng tài sản, chủ yếu do tăng mạnh ở các chỉ tiêu Hàng tồn kho và Các khoản phải thu ngắn hạn tăng lần lượt 1.115 tỷ đồng và 364 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 59,30% và 24,13%. Tài sản dài hạn của Công ty chiếm 9,70% Tổng tài sản, giảm 280 tỷ đồng tương đương 28,77% so với đầu năm, nguyên nhân do chỉ tiêu Các khoản phải thu dài hạn giảm mạnh với tỷ lệ tương ứng 99,80%.

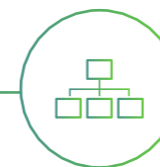


NỢ PHẢI TRẢ

Tài sản	31/12/2022	31/12/2023	Chênh lệch	
			Giá trị	%
Phải trả người bán ngắn hạn	499	347	(152)	-30,49%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	347	824	477	137,36%
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	24	5	(19)	-79,71%
Phải trả người lao động	3	3	0	16,73%
Chi phí phải trả ngắn hạn	2	2	0	8,90%
Phải trả ngắn hạn khác	1.915	2.351	437	22,81%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.240	1.720	481	38,76%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	26	24	(2)	-7,50%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	442	386	(56)	-12,57%

Tính đến hết ngày 31/12/2023, nợ phải trả của Công ty đạt 5.662 tỷ đồng, tăng 1.166 tỷ đồng, tương đương 25,92% so với đầu năm; chiếm 79,13% Tổng nguồn vốn. Trong đó, nợ ngắn hạn là 5.276 tỷ đồng, chiếm 93,18% Tổng Nợ phải trả; Nợ dài hạn là 386 tỷ đồng, chiếm 6,81% Tổng Nợ phải trả. Chỉ tiêu Người mua trả tiền trước tăng mạnh đạt 824 tỷ đồng, tăng 477 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 137,36%. Nguyên nhân trong năm phát sinh khoản Người mua trả tiền trước của Chi nhánh Phát điện dầu khí – Tập đoàn dầu khí Việt Nam.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, triển khai triệt để áp dụng khoa học công nghệ và các phần mềm quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh.



Mang tới cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất. Bố trí lao động, máy móc hợp lý, sản xuất hiệu quả, đảm bảo tiến độ để kịp thời đưa ra sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu của Công ty và nhu cầu của khách hàng.



Thiết lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích Người lao động học thêm nghiệp vụ tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên của Công ty.



Xây dựng cơ chế khoán: Khoán chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, chi phí, quỹ lương của từng phòng ban bộ phận trong công ty.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHÍNH



DOANH THU THUẦN (Tỷ đồng)

10.500

LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tỷ đồng)

150

KẾ HOẠCH KINH DOANH CỤ THỂ

1. Khối kinh doanh chủ động giữ quan hệ mật thiết với các đối tác truyền thống trong và ngoài nước để nhập khẩu than, quặng từ các nước: Nhật Bản, Indonesia, Nam Phi, Úc, Trung Quốc, Lào, Campuchia...
2. Chăm sóc tốt các khách hàng đầu ra: Công ty CP thép Hòa Phát, Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, Công ty CP Gang thép Tuyên Quang, Công ty TNHH Vinh Thịnh Tuyên Quang, Công ty Cổ phần Thép Toàn Thắng, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (TISCO), Công ty CP Luyện kim đen Thái Nguyên, Công ty CP Tập đoàn hóa chất Đức Giang,...
3. Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các nhà máy nhiệt điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (TKV),...
4. Tìm kiếm phát triển các khách hàng mới sử dụng than nhiệt như các nhà máy hóa chất, nhà máy xi măng,...
5. Phấn đấu hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu mặt hàng.



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Chính sách nghiên cứu và phát triển bao gồm nguyên tắc chỉ đạo, quy tắc, phương pháp, thủ tục được thiết lập gắn với hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất kinh doanh được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do vậy Công ty luôn dành những nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sản xuất. Công ty không ngừng đầu tư, nghiên cứu phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh. Công ty đã và đang tiến hành triển khai nghiên cứu phát triển các hạng mục sau:

- Nghiên cứu chính sách về ngành thép của các thị trường thế giới đặc biệt là thị trường Trung Quốc để cập nhật và nắm bắt kịp thời tình hình biến động;
- Nghiên cứu thị trường vận tải biển quốc tế để nắm bắt và chủ động việc vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Nghiên cứu mở rộng các loại nguyên liệu khác cung cấp vào các nhà máy luyện thép;
- Nghiên cứu các lĩnh vực năng lượng có xu hướng phát triển trong tương lai như nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời,...

CHIẾN LƯỢC VỀ QUẢN TRỊ

- Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, triển khai áp dụng khoa học công nghệ và các phần mềm quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, quản lý nhân sự theo tiêu chuẩn ISO;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động trong Công ty;
- Thiết lập môi trường làm việc tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên của Công ty;
- Bố trí và luân chuyển lao động hợp lý, sản xuất hiệu quả, đảm bảo tiến độ để kịp thời đưa ra các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng tốt nhất và nhanh nhất đáp ứng cho nhu cầu của khách hàng;
- Cử thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong Công ty tham gia các lớp đào tạo về quản trị Công ty;
- Công ty luôn gắn liền sự tăng trưởng, phát triển của doanh nghiệp với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Trong đó, mục tiêu phát triển doanh nghiệp là mục tiêu quan trọng nhất, thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường. Việc kết hợp phát triển doanh nghiệp gắn trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Công ty.

CHIẾN LƯỢC VỀ QUẢN TRỊ

- Huy động tối đa các nguồn vốn vay ngân hàng, vốn góp từ các cổ đông; sử dụng linh hoạt, hiệu quả các nguồn vốn này để phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư.
- Lập các kế hoạch tài chính chủ động, tính toán vòng quay vốn chính xác, thúc đẩy nâng cao hệ số sử dụng vốn và hệ số đòn bẩy tài chính.
- Xây dựng hệ thống nhân sự khoa học, tư duy nhạy bén, thích nghi tốt với tình hình thị trường với nhiều biến động, phán đoán các nguy cơ rủi ro tiềm ẩn để hoàn toàn chủ động và có các kế hoạch, định hướng chiến lược con người phù hợp.

CHƯƠNG 05

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 58

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty 58

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 59



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty đề ra. Doanh thu thuần năm 2023 đạt 6.338 tỷ tăng 14,72% so với thực hiện năm 2022 và hoàn thành 115% kế hoạch năm 2023, Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 19 tỷ giảm 69,00% so với năm 2022 và bằng 17,69% so với kế hoạch năm 2023.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Bộ máy tổ chức nhân sự của Công ty đã ổn định, số lượng cán bộ, nhân viên được tuyển đầy đủ cho từng vị trí chức danh. Các cán bộ, nhân viên của Công ty đều được đào tạo để nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ đảm bảo hoàn thành tốt công việc được giao.

Thu nhập bình quân của Người lao động năm 2023 là 12,5 triệu đồng/tháng, tăng 1,3 triệu đồng (tương ứng 12%) so với năm 2022.

ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2023, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2023, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM ĐƯỢC

- Đã triển khai và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua. Đồng thời chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Mặc dù tình hình kinh tế, xã hội năm 2023 có nhiều biến động nhanh, phức tạp, Ban Tổng Giám đốc đã có nỗ lực to lớn trong việc cố gắng thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao trong năm 2023, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, điều lệ, các quy chế hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, đảm bảo an toàn sức khỏe cho cán bộ công nhân viên.

NHỮNG HẠN CHẾ CẦN KHẮC PHỤC

- Ban Tổng Giám đốc cần theo dõi sát sao thị trường và đưa ra những quyết định kinh doanh đảm bảo hiệu quả để đạt được những kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được giao;
- Ban Tổng Giám đốc cần làm tốt hơn trong công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ kế cận.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với những thuận lợi và khó khăn mà Công ty phải đối mặt trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo nhằm cố gắng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Cảng thủy nội địa, kho bãi kinh doanh Logistics và chế biến than, quặng tại Xã Kim Liên, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương.
- Triển khai dự án Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Chủ động giữ quan hệ mật thiết với các đối tác truyền thống trong và ngoài nước để nhập khẩu than, quặng từ các nước: Nhật Bản, Indonesia, Nam Phi, Úc, Trung Quốc, Lào, Campuchia...
- Chăm sóc tốt các khách hàng đầu ra: Công ty CP thép Hòa Phát, Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1, Công ty CP Gang thép Tuyên Quang, Công ty TNHH Vinh Thịnh Tuyên Quang, Công ty Cổ phần Thép Toàn Thắng, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên (TISCO), Công ty CP Luyện kim đen Thái Nguyên, Công ty CP Tập đoàn hóa chất Đức Giang,...
- Tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ với các nhà máy nhiệt điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam (TKV),...
- Tìm kiếm phát triển các khách hàng mới sử dụng than nhiệt như các nhà máy hóa chất, nhà máy xi măng,...



ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty, triển khai triệt để áp dụng khoa học công nghệ và các phần mềm quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, quản lý nhân sự theo tiêu chuẩn ISO.
- Thiết lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích Người lao động học thêm nghiệp vụ tạo cơ hội cho sự phát triển của mọi thành viên của Công ty.

CHƯƠNG 06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	62
Ủy ban kiểm toán	67
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán	68



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số cổ phiếu VPG nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	19/04/2022	21.715.125	25,79
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	19/04/2022	2.835.388	3,37
3	Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	19/04/2022	3.811.500	4,53
4	Ông Nguyễn Khôi	Thành viên HĐQT độc lập	19/04/2022	-	-
5	Ông Lê Đình Điều	Thành viên HĐQT độc lập	19/04/2022	105.535	0,13

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp định kỳ và đột xuất để tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo thực hiện đúng trình tự theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị. Sau mỗi cuộc họp, Hội đồng quản trị đều có Nghị quyết, các Nghị quyết này đều sẽ được công bố theo đúng quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tình hình tham dự họp của Thành viên Hội đồng quản trị năm 2023

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	23	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm TGD	23	100%	
3	Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	23	100%	
4	Ông Nguyễn Khôi	TV HĐQT độc lập	23	100%	
5	Ông Lê Đình Điều	TV HĐQT độc lập	23	100%	

CÁC QUYẾT ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT NĂM 2023

- 09/01/2023** • **01/2023/NQ-HĐQT**

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- 17/01/2023** • **02/2023/NQ-HĐQT**

Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty tại BIDV Hà Nội để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn là 1.000 tỷ đồng.
- 27/01/2023** • **03/2023/NQ-HĐQT**

Thông qua việc cam kết sẽ thay Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng NewLand (Công ty NewLand) thanh toán toàn bộ các nghĩa vụ tài chính với Vietinbank - CN Lê Chân trong trường hợp Công ty NewLand không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Vietinbank - CN Lê Chân tại dự án "Phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng". Nội dung này sẽ được Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất năm 2023 thông qua.
- 13/02/2023** • **04/2023/NQ-HĐQT**

Thông qua việc vay vốn của Công ty tại Vietcombank Nam Hải Phòng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng bao gồm cho vay, bảo lãnh, LC.
- 21/02/2023** • **05/2023/NQ-HĐQT**

Thông qua ngày tổ chức và chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.
- 24/03/2023** • **06/2023/NQ-HĐQT**

 - Thông qua việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 trình Đại hội cổ đông thường niên 2023.
 - Thông qua chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- 10/05/2023** • **07/2023/NQ-HĐQT**

 - Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua tại ngày 21/04/2023.
 - Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.
- 24/05/2023** • **08/2023/NQ-HĐQT**

Thông qua việc nhận cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân với hạn mức 2.890 tỷ đồng.

02/06/2023 • 09/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

20/06/2023 • 10/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

12/07/2023 • 11/2023/NQ-HĐQT

Thông qua giao dịch mua, bán than với các đối tác trong nước.

14/07/2023 • 12/2023/NQ-HĐQT

Chấp thuận nhận cấp tín dụng từ VPBank/Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng với VPBank với số tiền nhận cấp tín dụng là 600 tỷ đồng.

20/07/2023 • 13/2023/NQ-HĐQT

Điều chỉnh giới hạn tín dụng để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ cung cấp than cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 theo Hợp đồng số 07/2022/HDKT/SH1PP-DVS/PVN-ASIA-13500 ngày 14/03/2022 và các phụ lục hợp đồng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty và BIDV Hà Nội, cụ thể: Tổng giới hạn tín dụng tối đa là 3.000 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn, mở L/C tối đa tại mọi thời điểm là 2.380 tỷ đồng, dư bảo lãnh tối đa là 620 tỷ đồng.

28/07/2023 • 14/2023/NQ-HĐQT

- Thông qua việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ.
- Thông qua sửa đổi khoản 1, Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát, cụ thể:
+ Vốn điều lệ của Công ty: 842.070.710.000 đồng;
+ Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 84.207.071 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

09/08/2023 • 15/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc vay vốn, mở L/C của Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nội để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức tín dụng (bao gồm cho vay, phát hành L/C) là 2.800 tỷ đồng.

10/08/2023 • 16/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát và Công ty Cổ Phần Thương mại và Đầu tư Công nghệ ECOTECH Việt Nam đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng khu đô thị tại Thị trấn Bo, Huyện Kim Bôi, Tỉnh Hòa Bình theo Nghị quyết đã được HĐQT thông qua tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐQT ngày 25/05/2022.

14/08/2023 • 17/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán than nhiệt giữa Liên danh Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát, Pt Sumber Global Energy Tbk, Pt Bintang Mitra Semestaraya Tbk và Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Sông Hậu 1.

Giá trị hợp đồng tạm tính: 6.023.733.512.500 đồng.

Thời hạn thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

14/08/2023 • 18/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc vay vốn, mở L/C, mở bảo lãnh của Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Bắc Hải Phòng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức tín dụng (bao gồm cho vay, phát hành L/C, bảo lãnh) là 1.400 tỷ đồng.

14/08/2023 • 19/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc ký kết hợp đồng mua than nhiệt giữa Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát và Pt Sumber Global Energy Tbk.

Giá trị hợp đồng tạm tính: 4.300 tỷ đồng.

Thời hạn dự kiến thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

24/08/2023 • 20/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C của Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hà Nội để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng giới hạn tín dụng tối đa là 3.450 tỷ đồng.

02/10/2023 • 21/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc ký hợp đồng mua quặng sắt giữa Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát và LS LY SOK CO., LTD, cụ thể:

- Giá trị hợp đồng tạm tính: 7.300 tỷ đồng;

- Thời hạn dự kiến thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết 31/01/2026.

12/12/2023 • 22/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc vay vốn, bảo lãnh, mở L/C tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội với tổng hạn mức tín dụng ngắn hạn (bao gồm cho vay, các loại bảo lãnh, L/C) là 1.200 tỷ đồng.

29/12/2023 • 22/2023/NQ-HĐQT

Thông qua việc ký kết hợp đồng bán than nhiệt giữa Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát và Chi nhánh TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí.

Giá trị hợp đồng tạm tính: 811.306.650.000 đồng

Thời hạn thực hiện hợp đồng: 6 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP & HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về quản trị rủi ro, lương thưởng, nhân sự và kiểm toán nội bộ. Các thành viên đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT theo Điều lệ của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2023 minh bạch, thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, điều lệ và quy chế nội bộ quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban mà phân công cho các thành viên HĐQT phụ trách từng mảng công việc như: Nhân sự, lương thưởng, đầu tư, pháp chế... Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia trực tiếp vào một số Hội đồng của Công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng kỷ luật,... Thành viên HĐQT thường xuyên có những ý kiến chỉ đạo để hội đồng xác định tiêu chuẩn và lựa chọn những người phù hợp để bổ nhiệm làm cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Không có



2. ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số cổ phiếu VPG nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Khôi	Chủ tịch UBKT	19/04/2022	0	0
2	Ông Lê Đình Điều	Thành viên UBKT	19/04/2022	105.535	0,13%
3	Bà Ngô Thị Minh Lụa	Thành viên UBKT	19/04/2022	244.232	0,29%

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Khôi	02	100%	
2	Ông Lê Đình Điều	02	100%	
3	Bà Ngô Thị Minh Lụa	02	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ủy ban kiểm toán thực hiện giám sát thông qua:

- Trực tiếp theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như cơ chế phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
- Tiếp xúc với Tổng giám đốc, Giám đốc kinh doanh để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty;
- Giám sát thông qua báo cáo của Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính, Trưởng phòng kinh doanh;
- Giám sát hoạt động kinh doanh thông qua báo cáo của kiểm toán nội bộ;
- Ủy ban kiểm toán đã kiểm tra Báo cáo tài chính các quý năm 2023, Báo cáo tài chính đã được soát xét giữa niên độ và kiểm toán năm, kiểm tra hệ thống sổ sách kế toán năm 2023 của Công ty, đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty tại thời điểm báo cáo. Kiểm soát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA ỦY BAN KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Ủy ban kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý liên quan trong phạm vi thực hiện chức năng giám sát của Ủy ban. Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Ủy ban kiểm toán.
- Ủy ban kiểm toán báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên Hội đồng quản trị.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao năm 2023	Lương & Thưởng năm 2023	Tổng thu nhập năm 2023
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	540.000.000	900.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm TGD	120.000.000	493.387.991	613.387.991
3	Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	120.000.000	397.160.000	517.160.000
4	Ông Nguyễn Khôi	Thành viên HĐQT độc lập	180.000.000	-	180.000.000
5	Ông Lê Đình Điều	Thành viên HĐQT độc lập	180.000.000	-	180.000.000
6	Bà Ngô Thị Minh Lụa	Thành viên UBKT	60.000.000	-	60.000.000
7	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng	-	370.118.017	370.118.017

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch HĐQT	20.681.073	25,79	21.715.125	25,79	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
2	Nguyễn Văn Đức	TV HĐQT-TGD	2.700.370	3,37	2.835.388	3,37	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
3	Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên HĐQT, PT-GĐ, UQCBBT	3.630.000	4,53	3.811.500	4,53	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
4	Nguyễn Thị Cúc	Em gái Chủ tịch HĐQT	716	0,001	751	0,001	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
5	Nguyễn Văn Bảo	Em trai TV HĐQT	895	0,001	939	0,001	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
6	Bùi Thị Chiên	Em dâu TV HĐQT	356	0,0004	373	0,0004	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
7	Lê Đình Điều	Thành viên HĐQT	100.510	0,13	105.535	0,13	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
8	Lê Danh Phương	Con trai TV HĐQT	1.650	0,002	1.732	0,002	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
9	Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng	2.686	0,003	2.820	0,003	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
10	Ngô Thị Minh Lụa	TV Ủy ban Kiểm toán	232.602	0,29	244.232	0,29	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu
11	Ngô Thế Quang	Em trai TV UBKT	2	0,00	2	0,00	
12	Bạch Anh Cường	Chồng TV UBKT	92	0,00	96	0,00	Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không phát sinh

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị đối với bộ máy điều hành. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 2 người/tổng số 5 thành viên HĐQT đảm bảo đúng theo quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc;
- Cung cấp và công bố thông tin về tài liệu đại hội cổ đông, nghị quyết và biên bản đại hội cổ đông, nghị quyết HĐQT và các báo cáo định kỳ đúng hạn. Không bị Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc công bố thông tin.

CHƯƠNG 07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm với môi trường	72
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	73



GIỚI THIỆU VỀ BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2023 của Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Việt Phát được ghép chung trong Báo cáo thường niên 2023 để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng với nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có Giới thiệu về báo cáo liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty, các chính sách liên quan đến môi trường, xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

1. TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG



Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, VPG nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đầu tư, đồng thời giảm thiểu tác động xấu tới môi trường. Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, Công ty chưa từng bị xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.

Vì một mục tiêu chung bảo vệ môi trường toàn cầu VPG liên tục đưa ra các chính sách nhằm duy trì hoạt động đánh giá nguồn nước sử dụng, tác động của nước thải chất thải đến môi trường qua việc kiểm soát đầu vào (nước) và đầu ra (phát thải từ hoạt động vận hành của khối văn phòng và đặc biệt là của khối sản xuất công nghiệp). Các loại chất thải, rác thải có khả năng gây hại đến môi trường được VPG tích cực xử lý.

- Tái sử dụng nước cho các hoạt động khác của công ty, nhà máy.
- Không sử dụng nước bồn cầu vào những mục đích khác.
- Sử dụng hệ thống nhà vệ sinh tiết kiệm nước (vòi xả tự ngắt, bồn xả tự động, ...)
- Thường xuyên có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và có những biện pháp xử lý kịp thời

2. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp ở mức an toàn với môi trường
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: trồng bao phủ cây xanh.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tiêu thụ dầu

Lượng dầu tiêu thụ:

Là một doanh nghiệp trong ngành kinh doanh chế biến khoáng sản, vận tải kho bãi, dầu là năng lượng mà Công ty tiêu thụ chính trong quá trình sản xuất kinh doanh, bao gồm 2 loại chính là:

- Dầu Diesel: Dùng để chạy các phương tiện vận tải, chạy các máy móc, trang thiết bị tại nhà máy Hải Dương.
- Dầu máy: Dùng cho các động cơ máy móc tại kho bãi nhà máy.

Trong năm 2023, lượng dầu tiêu thụ cụ thể của Công ty như sau:

Loại	Khối lượng (Lít)	Thành tiền (đồng)	Nguồn cung cấp
Dầu Diesel	152.308	3.066.025.381	Công ty TNHH MTV Vật tư Xăng dầu Hải Hà
Dầu mỡ phụ	2.847	190.578.083	Công ty TNHH Thương Mại Trường Thịnh

Xử lý dầu: Đối với dầu máy, Công ty đã ký hợp đồng với các đơn vị để tiến hành thu mua sau khi sử dụng.

Tiêu thụ điện năng

Lượng điện tiêu thụ

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho mục đích vận hành máy móc tại nhà máy, chiếu sáng tại các kho bãi nhà máy và sử dụng trong công việc của bộ phận hành chính – văn phòng tại Hải Phòng.

Khối lượng (kWh)	Thành tiền (đồng)	Nguồn cung cấp
80.894	290.359.578	- CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ cảng Hải Phòng - Công ty TNHH Đóng tàu Huy Văn

Tiết kiệm điện

- Công ty đã tiến hành thực hiện một chương trình tiết kiệm điện: tuyên truyền nâng cao ý thức người lao động trong việc sử dụng điện và tiến hành thay mới một số bóng đèn tiết kiệm điện.
- Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

TIÊU THỤ NƯỚC

Lượng nước tiêu thụ:

- Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước sạch vào mục đích sinh hoạt. Công ty dùng nước sông để rửa quặng.
- Nguồn nước sử dụng: là nước máy được cung cấp bởi đơn vị nước sạch trên địa bàn tỉnh Hải Dương...
- Lượng nước tiêu thụ trong năm 2023 của Công ty như sau:

Khối lượng (m3)	Thành tiền – (đồng)	Nguồn cung cấp
1.988	35.784.000	Công ty TNHH Đóng tàu Huy Văn

Tái chế, xử lý nước thải: Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



- Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Vì vậy, trong suốt quá trình hoạt động, Công ty chưa từng bị nhắc nhở, xử phạt trong các vấn đề đối với môi trường.
- Công ty lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.
- Hàng năm thuê trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Hải Dương làm báo cáo và quan trắc thường xuyên 3 tháng/lần.
- Toàn bộ xung quanh nhà máy có hệ thống mương, rãnh thoát nước, thu gom nước mặt và kết nối với hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp.
- Nhà máy có hồ chứa nước thải và hệ thống hồ lắng xử lý nước thải cơ học.
- Xung quanh nhà máy được trồng cây xanh tạo quang cảnh và giảm thiểu bụi.
- Thường xuyên tưới đường vận chuyển nội khu và phun nước xử lý bụi trong sản xuất.
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2023, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thường các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.



HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ

Đối với người lao động mới và chưa thành thạo sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo nghề. Đối với cán bộ công nhân viên, Công ty hỗ trợ 100% tiền lương, tiền học phí đào tạo đối với cán bộ được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ lao động là cán bộ quản lý và công nhân trực tiếp sản xuất là nhiệm vụ rất quan trọng của mọi doanh nghiệp. Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý của doanh nghiệp cũng cần được cập nhật kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế thông qua các khóa tập huấn.

TẬP HUẤN CHO ĐỘI NGŨ CÔNG NHÂN

Thường xuyên tập huấn cho đội ngũ công nhân trực tiếp sản xuất nội quy của doanh nghiệp, quy định về an toàn lao động, kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm, quy trình quy phạm sản xuất thông qua hình thức đào tạo tại chỗ, kèm cặp trong quá trình sản xuất, các điển hình tiên tiến,... hoặc tại các trường công nhân kỹ thuật. Xây dựng cơ chế cho phép thuê các chuyên gia kỹ thuật, các chuyên gia thiết kế bên ngoài nhằm giải quyết các khó khăn trong việc thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, am hiểu kỹ thuật, công nghệ, thị trường, thị hiếu của thị trường nước ngoài hoặc trong điều hành các dự án mới.



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Đại hội công đoàn



Tôn vinh phụ nữ ngày 08/03 và 20/10



Hoạt động thể thao & văn nghệ



Du lịch

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững. Công ty còn là đơn vị điển hình tích cực tài trợ các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn. Công ty đã tham gia các hoạt động thiện nguyện, tri ân các gia đình chính sách, người có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sỹ 27/07 tại xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng; phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Năm 2023, Công ty còn có chương trình tặng quà trung thu cho các cháu thiếu nhi xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, trị giá gần 80 triệu đồng. Đặc biệt là chương trình “Máy tính cho em”, Công ty tặng 40 bộ máy tính cùng 1 bộ máy chiếu cho trường tiểu học Tam Kỳ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương trị giá gần 283 triệu đồng.

Các bằng khen trong năm 2023 của Công ty CP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát:

- Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận Hồng Bàng đã có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội Quận năm 2023.
- Năm thứ 7 liên tiếp Công ty lọt vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam, đứng thứ 140 và đứng thứ 255 Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Chi bộ Đảng Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt phát được Quận ủy Hồng Bàng công nhận là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.



CHƯƠNG 08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN

Báo cáo của Ban điều hành	84
Báo cáo kiểm toán độc lập	86
Bảng cân đối kế toán	88
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	90
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	92
Thuyết minh báo cáo tài chính	93



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
VIỆT PHÁT**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
Số 123BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Lệ	Thành viên
Ông Nguyễn Khôi	Thành viên
Ông Lê Đình Điều	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Lệ	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Đức

Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 05/2024/GUQ-VPJSC

ngày 02 tháng 01 năm 2024

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Số: 0670 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

- Các cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Hồng Dương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2393-2021-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Ngân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5248-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.461.181.812.393	5.002.840.187.383
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.532.123.314.213	1.529.298.838.140
1. Tiền	111		528.869.365.954	312.274.096.750
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.003.253.948.259	1.217.024.741.390
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.874.163.480.857	1.509.858.035.670
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	360.645.842.513	908.964.945.691
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.353.103.083.751	562.656.976.358
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	201.769.627.534	73.360.978.013
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(41.355.072.941)	(35.124.864.392)
III. Hàng tồn kho	140	10	2.994.462.737.846	1.879.800.565.878
1. Hàng tồn kho	141		2.994.462.737.846	1.879.800.565.878
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.432.279.477	83.882.747.695
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.425.463.561	76.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.727.949.067	83.463.075.578
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	2.278.866.849	343.672.117
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		694.266.663.125	974.653.264.924
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		612.500.000	300.470.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	612.500.000	300.470.000.000
II. Tài sản cố định	220		51.584.984.008	52.958.149.357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	15.755.484.008	17.128.649.357
- Nguyên giá	222		57.735.949.773	59.331.521.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.980.465.765)	(42.202.872.540)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	35.829.500.000	35.829.500.000
- Nguyên giá	228		35.829.500.000	35.829.500.000
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		482.474.613.491	462.117.539.802
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	482.474.613.491	462.117.539.802
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		157.750.000.000	157.750.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	147.750.000.000	147.750.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	10.000.000.000	10.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.844.565.626	1.357.575.765
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.681.829.005	1.346.858.830
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		162.736.621	10.716.935
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.155.448.475.518	5.977.493.452.307

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.662.459.058.852	4.496.783.487.262
I. Nợ ngắn hạn	310		5.276.454.773.807	4.055.277.695.049
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	346.527.881.767	498.508.043.527
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	823.649.649.903	347.005.671.179
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	5.029.331.844	24.409.310.730
4. Phải trả người lao động	314		3.307.353.724	2.833.445.121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.235.732.325	2.053.029.832
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.351.244.573.125	1.914.597.549.625
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	1.720.253.561.945	1.239.702.453.926
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	24.206.689.174	26.168.191.109
II. Nợ dài hạn	330		386.004.285.045	441.505.792.213
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	386.004.285.045	441.505.792.213
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.492.989.416.666	1.480.709.965.045
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.492.989.416.666	1.480.709.965.045
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		842.070.710.000	801.983.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		842.070.710.000	801.983.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		237.848.870.000	237.848.870.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.318.145.144	21.064.879.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		355.835.692.943	389.817.142.819
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		336.374.668.426	331.294.398.178
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		19.461.024.517	58.522.744.641
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		29.915.998.579	29.995.713.226
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.155.448.475.518	5.977.493.452.307

Hoàng Thị Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	6.337.724.617.506	5.524.662.572.578
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		6.337.724.617.506	5.524.662.572.578
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	5.951.401.135.210	5.259.185.307.600
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		386.323.482.296	265.477.264.978
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	72.662.579.433	79.074.438.943
6. Chi phí tài chính	22	28	251.167.428.662	148.865.838.148
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		114.386.005.190	54.105.499.970
7. Chi phí bán hàng	25	29	105.977.737.611	85.739.560.070
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	71.642.481.492	76.880.158.169
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		30.198.413.964	33.066.147.534
10. Thu nhập khác	31	30	10.502.275.102	56.704.124.038
11. Chi phí khác	32	31	13.515.356.528	9.066.125.866
12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(3.013.081.426)	47.637.998.172
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27.185.332.538	80.704.145.706
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	7.956.042.354	18.186.487.974
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(152.019.686)	(10.716.935)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.381.309.870	62.528.374.667
16.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		19.461.024.517	62.532.661.441
16.2. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(79.714.647)	(4.286.774)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	220	722

Hoàng Thị Hưng

Hoàng Thị Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.185.332.538	80.704.145.706
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.669.792.470	6.117.437.227
Các khoản dự phòng	03	6.230.208.549	35.124.864.392
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.255.084.171	(42.425.274.600)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(37.402.997.325)	(30.074.830.748)
Chi phí lãi vay	06	114.386.005.190	54.105.499.970
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	119.323.425.593	103.551.841.947
(Tăng) các khoản phải thu	09	(42.788.028.546)	(1.253.815.600.184)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(1.106.113.077.472)	(1.151.701.365.768)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	769.455.208.644	1.939.044.304.018
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(5.684.433.736)	2.379.160.535
Tiền lãi vay đã trả	14	(122.308.879.878)	(53.246.015.140)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.186.487.974)	(86.132.175.367)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.088.135.007)	(2.643.381.120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(407.390.408.376)	(502.563.231.079)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.557.377.507)	(454.282.207.936)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	202.727.272	1.715.590.909
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(54.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	55.998.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.015.698.094	26.702.941.646
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.661.047.859	(423.865.675.381)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	565.957.770.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.319.486.243.909	2.689.832.026.221
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.919.298.792.578)	(1.521.151.370.289)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.316.086.800)	(33.160.868.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	396.871.364.531	1.701.477.557.932
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.142.004.014	775.048.651.472
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.529.298.838.140	748.373.927.712
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(317.527.941)	5.876.258.956
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.532.123.314.213	1.529.298.838.140

Hoàng Thị Hưng

Hoàng Thị Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200826844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 16 (lần gần nhất) ngày 27 tháng 02 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) từ ngày 18 tháng 01 năm 2018 với mã chứng khoán là VPG.

Trụ sở chính của Công ty có địa chỉ tại số 123BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 144 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 124 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh khoáng sản, kinh doanh bất động sản và xây lắp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản và xây lắp, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện theo thời gian đầu tư, kinh doanh từng dự án. Đối với các hoạt động khác, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tên công ty con và hoạt động	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland	Hải Phòng	90	90	Kinh doanh bất động sản

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hàng hóa, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa lãi từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí sửa chữa mặt bằng sản công nghiệp Cảng Huy Văn, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác.

Chi phí sửa chữa mặt bằng sản Cảng Huy Văn được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi và lãi từ các khoản đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên

quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	474.699.380	16.751.719.871
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	528.394.666.574	295.522.376.879
Các khoản tương đương tiền (i)	1.003.253.948.259	1.217.024.741.390
	1.532.123.314.213	1.529.298.838.140

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,3%/năm đến 3,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,0%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền và tiền gửi không kỳ hạn với giá trị ghi sổ là 1.079.728.451.868 VND đã được phong tỏa hoặc thế chấp để đảm bảo cho các khoản UPAS LC, các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và các nghĩa vụ tín dụng khác của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 17 và 18).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dài hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Trái phiếu (i)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-

- (i) Phản ánh 10.000 Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với mệnh giá 1.000.000 VND/trái phiếu. Trong đó:

- 6.000 trái phiếu kỳ hạn 7 năm, đáo hạn ngày 24 tháng 9 năm 2026, tiền lãi được trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày 24 tháng 9 với lãi suất áp dụng là lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm; và
- 4.000 trái phiếu kỳ hạn 10 năm, đáo hạn ngày 25 tháng 12 năm 2028, tiền lãi được trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày 25 tháng 12 với lãi suất áp dụng là lãi suất tham chiếu cộng 1,1%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ trái phiếu này đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 18).

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	147.750.000.000	-	147.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát (ii)	147.750.000.000	-	147.750.000.000	-

- (ii) Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 7,44%.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Hưng Thịnh	112.958.873.266	118.742.362.200
Công ty Cổ phần Sài Gòn Mía	83.890.106.737	-
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	69.672.099.853	69.672.099.853
Công ty HH Thương mại Vận hợp Hà Khẩu	43.274.143.785	82.505.864.863
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	38.130.077.205	-
Công ty Cổ phần Luyện kim đen Thái Nguyên	10.354.875.531	229.013.002.680
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	240.153.617.367
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I	-	88.085.345.260
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Hải	-	56.462.457.216
Các đối tượng khác	2.365.666.136	24.330.196.252
	360.645.842.513	908.964.945.691

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã được sử dụng (cùng với hàng tồn kho) để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (chi tiết tại Thuyết minh số 18).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Hải (i)	381.381.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Âu Việt (i)	259.717.158.314	-
Công ty TNHH LS LY SOK (i)	195.120.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Tất Thành (i)	222.227.200.000	151.049.750.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát (ii)	96.629.465.640	-
Coecco Minerals Iron Sole Co., Ltd. (i)	92.833.626.285	25.638.046.668
Công ty Cổ phần Phát triển và Kinh doanh Bất động sản Weland (ii)	16.694.367.666	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hưng Thịnh 168 Thái Nguyên (i)	1.000.000.000	95.750.000.000
Công ty TNHH Huigen Phú Thọ	-	128.242.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Hưng Thịnh	-	97.779.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng MD66	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Vũ Quang	-	17.229.499.083
Các đối tượng khác	87.500.265.846	6.967.780.607
	1.353.103.083.751	562.656.976.358

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)

- (i) Phản ánh các khoản trả trước cho người bán theo các phương án kinh doanh đã được Tổng Giám đốc phê duyệt và các hợp đồng mua bán và vận chuyển than cốc, than nhiệt và quặng sắt để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian giao hàng dự kiến là trong năm 2024. Trong đó:

- Các khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Hải với số tiền 104.181.000.000 VND để mua than cốc đã được hoàn trả trong tháng 1 và tháng 2 năm 2024 do dừng thực hiện hợp đồng.
- Các khoản trả trước cho Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Tất Thành bao gồm 39.000.000.000 VND, là số tiền còn lại mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland ("Newland"), công ty con của Công ty, đã trả trước cho Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Tất Thành liên quan đến Hợp đồng số 28.1.2023/TT-NL và Hợp đồng số 30.1.2023/TT-NL đã dừng thực hiện nhưng đến thời điểm hiện tại chưa được hoàn trả cho Newland.

(ii) Phản ánh số tiền Newland trả trước cho người bán để thực hiện xây dựng và tiếp thị Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Thuế giá trị gia tăng đầu ra đã xuất hóa đơn nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu	118.551.374.871	23.801.999.363
Tạm ứng cho nhân viên	79.478.046.209	1.200.285.206
Ký quỹ	1.849.607.902	45.374.495.863
Dự thu lãi tiền gửi	1.557.142.456	2.468.893.800
Phải thu khác	333.456.096	515.303.781
	201.769.627.534	73.360.978.013
b. Dài hạn		
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	300.000.000.000
Ký quỹ	612.500.000	470.000.000
	612.500.000	300.470.000.000

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty HH Thương mại Vận hợp Hà Khẩu	43.274.143.785	43.274.143.785	82.505.864.863	57.754.105.404
Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung	69.672.099.853	28.585.619.412	10.373.104.933	-
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại An Khánh	268.592.500	-	-	-
	113.214.836.138	71.859.763.197	92.878.969.796	57.754.105.404
Tổng giá trị dự phòng đã trích lập	41.355.072.941		35.124.864.392	

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	77.265.394.935	-	61.290.054.390	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.747.405	-	4.218.000.710	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	423.247.373.816	-	347.208.447.008	-
- Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	415.382.528.667	-	335.621.532.497	-
- Gói thầu 3.23 - San nền phía ngoài đê tả Sông Cấm và san nền từ đê tả Sông Cấm đến đường trục chính Đông Tây	7.714.845.149	-	9.920.114.511	-
- Khác	150.000.000	-	1.666.800.000	-
Thành phẩm	110.642.406.998	-	11.167.238.098	-
Hàng hoá	2.383.302.814.692	-	1.455.916.825.672	-
	2.994.462.737.846	-	1.879.800.565.878	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

- Hàng hóa với số tiền 86.995.713.311 VND đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (chi tiết tại Thuyết minh số 18);
- Một số hàng tồn kho đã được sử dụng (cùng với các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng) để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (chi tiết tại Thuyết minh số 18); và
- Toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland, công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân (chi tiết tại Thuyết minh số 20).

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với giá trị là 33.501.633.887 VND (năm 2022: 552.543.620 VND).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Các khoản thuế phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	343.672.117	-	1.935.194.732	2.278.866.849
	343.672.117	-	1.935.194.732	2.278.866.849
Các khoản thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	13.201.846.338	503.110.073.603	516.311.919.941	-
- Thuế GTGT đầu ra	13.201.846.338	-	13.201.846.338	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	503.110.073.603	503.110.073.603	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	1.220.203.077	1.220.203.077	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.186.487.974	7.956.042.354	14.186.487.974	4.956.042.354
Thuế thu nhập cá nhân	20.976.418	809.660.452	757.347.380	73.289.490
Tiền thuê đất	-	106.055.320	106.055.320	-
Thuế khác	-	24.082.269.880	24.082.269.880	-
	24.409.310.730	537.284.304.686	556.664.283.572	5.029.331.844

107/2023/ĐL-NT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	3.103.000.000	26.593.265.219	28.404.153.042	1.231.103.636	59.331.521.897
Tăng do mua sắm	-	-	2.352.545.091	97.727.273	2.450.272.364
Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.750.031.454	-	-	-	2.750.031.454
Thanh lý	-	(2.887.559.577)	(3.908.316.365)	-	(6.795.875.942)
Số dư cuối năm	5.853.031.454	23.705.705.642	26.848.381.768	1.328.830.909	57.735.949.773
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	357.885.941	25.049.374.311	15.654.014.207	1.141.598.081	42.202.872.540
Khấu hao trong năm	780.948.500	1.165.937.875	3.671.833.588	51.072.507	5.669.792.470
Giảm do thanh lý	-	(2.887.559.577)	(3.004.639.668)	-	(5.892.199.245)
Số dư cuối năm	1.138.834.441	23.327.752.609	16.321.208.127	1.192.670.588	41.980.465.765
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.745.114.059	1.543.890.908	12.750.138.835	89.505.555	17.128.649.357
Tại ngày cuối năm	4.714.197.013	377.953.033	10.527.173.641	136.160.321	15.755.484.008

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 26.590.667.459 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 20.010.517.655 VND).

Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.278.390.929 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 9.468.997.168 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 18).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	
	VND	
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm		35.829.500.000
Số dư cuối năm		35.829.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm		-
Số dư cuối năm		-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm		35.829.500.000
Tại ngày cuối năm		35.829.500.000

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại lô đất số 123BT 02-97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân (chi tiết tại Thuyết minh số 18).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Hà Nội (i)	470.860.335.324	450.506.940.000
Dự án xây dựng văn phòng tại phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	6.467.043.190	6.463.364.825
Mua sắm tài sản cố định	5.147.234.977	5.147.234.977
	482.474.613.491	462.117.539.802

(i) Phản ánh tiền mua quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 15 tháng 6 năm 2022. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty tại Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng (chi tiết tại Thuyết minh số 20).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/	Giá trị/
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
PT Sumber Global Energy Tbk	195.343.485.772	204.483.618.525
Summit Crm, Ltd.	110.602.046.816	225.935.198.100
Công ty Cổ phần Vilaconic	7.672.614.360	1.372.565.700
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Chiến Công	5.984.207.424	12.869.840.790
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Mai Linh	-	25.060.326.530
Các đối tượng khác	26.925.527.395	28.786.493.882
	346.527.881.767	498.508.043.527

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	823.117.329.731	237.636.972.642
Công ty TNHH Vinh Thịnh Tuyên Quang	-	70.000.000.000
Ban Quản lý Công trình Xây dựng Phát triển Đô thị	-	18.422.696.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn MIA	-	18.169.619.474
Các đối tượng khác	532.320.172	2.776.383.063
	823.649.649.903	347.005.671.179

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả thư tín dụng nhập khẩu (i)	2.323.649.836.715	1.891.414.794.605
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.855.403.783.486	745.550.187.108
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân	372.762.673.140	833.632.119.687
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	95.483.380.089	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	-	216.545.937.807
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	-	95.686.550.003
Nhận đặt cọc thực hiện hợp đồng phải hoàn trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long (ii)	13.000.000.000	13.000.000.000
Cổ tức phải trả	10.521.814.877	9.862.676.500
Kinh phí công đoàn	38.417.520	65.287.520
Khác	4.034.504.013	254.791.000
	2.351.244.573.125	1.914.597.549.625

(i) Các khoản phải trả thư tín dụng nhập khẩu liên quan đến các hợp đồng mua hàng hóa từ các nhà cung cấp theo phương thức thanh toán Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C - Usance payable at sight Letter of Credit) thông qua các ngân hàng thương mại với mức phí dịch vụ theo thỏa thuận trên từng thư tín dụng. Theo các hợp đồng này, các nhà cung cấp được ngân hàng thanh toán ngay và Công ty được thanh toán chậm với ngân hàng trong thời hạn từ 04 tháng đến 06 tháng (năm 2022: từ 04 tháng đến 06 tháng), theo đó, đến hạn thanh toán trong tháng 01 đến tháng 6 năm 2024.

Các khoản UPAS LC với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ("BIDV Hà Nội"), cùng với các khoản vay ngắn hạn và các nghĩa vụ tín dụng khác, được đảm bảo bằng các tài sản đã thế chấp cho BIDV Hà Nội như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 18.

Các khoản UPAS LC với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân ("Vietinbank Lê Chân"), cùng với các khoản vay ngắn hạn, được đảm bảo bằng các tài sản đã thế chấp cho Vietinbank Lê Chân như trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 18. Đồng thời, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 263.658.000.000 VND đã được phong tỏa để đảm bảo cho khoản UPAS LC này (xem Thuyết minh số 04).

Khoản UPAS LC với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 95.962.863.584 VND (xem Thuyết minh số 04).

(ii) Phản ánh số tiền nhận đặt cọc cho việc nhận chuyển nhượng dự án "Nhà máy sản xuất khung thép tiền chế, gia công thép định hình, phân loại và kinh doanh quặng sắt". Năm 2020, Công ty đã chuyển giao thành công dự án này cho Công ty Cổ phần Ngọc Cảng, do đó, Công ty sẽ hoàn trả khoản đặt cọc này cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Giá trị	VND	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.224.366.453.926	1.224.366.453.926	3.287.341.758.075	2.903.962.792.578	1.607.745.419.423	1.607.745.419.423
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân (i)	499.904.149.156	499.904.149.156	1.076.656.309.294	873.556.298.932	703.004.159.518	703.004.159.518
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (ii)	171.150.104.128	171.150.104.128	1.175.531.386.101	824.610.122.029	522.071.368.200	522.071.368.200
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (iii)	472.240.574.278	472.240.574.278	908.263.491.566	1.002.976.200.479	377.527.865.365	377.527.865.365
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (iv)	17.990.262.728	17.990.262.728	5.142.026.340	17.990.262.728	5.142.026.340	5.142.026.340
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	39.569.200.000	39.569.200.000	82.996.092.274	122.565.292.274	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	23.512.163.636	23.512.163.636	38.752.452.500	62.264.616.136	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	15.336.000.000	15.336.000.000	112.508.142.522	15.336.000.000	112.508.142.522	112.508.142.522
	1.239.702.453.926	1.239.702.453.926	3.399.849.900.597	2.919.298.792.578	1.720.253.561.945	1.720.253.561.945

Chi tiết các khoản vay như sau:

- (i) Phản ánh khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân ("Vietinbank Lê Chân") theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT164-VPG ngày 26 tháng 5 năm 2023 với hạn mức cho vay và L/C có cam kết thanh toán bằng vốn vay là 1.000.000.000.000 VND. Hạn mức này bao gồm các số dư vay và L/C đã phát hành được điều chỉnh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT164-VIET PHAT JSC ngày 14 tháng 01 năm 2022. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho các phương án thương mại quặng sắt và than các loại. Thời gian duy trì hạn mức cho vay là đến hết ngày 26 tháng 5 năm 2024. Thời hạn đối với từng kế ước nhận nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là từ 6%/năm đến 7,5%/năm. Lãi vay được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Khoản vay và các nghĩa vụ tín dụng khác của Công ty được đảm bảo bởi:

- Các tài sản của Công ty, bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Vietinbank Lê Chân với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 40.050.000.000 VND và các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 7.278.390.929 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: lần lượt là 30.500.000.000 VND và 6.826.227.938 VND) (xem chi tiết tại Thuyết minh số 04 và 12);
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại Lô 123 BT02, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 35.829.500.000 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 13); và
- Các tài sản khác, bao gồm các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn Bình, bà Lê Thị Thanh Lệ và các cá nhân khác.

- (ii) Phản ánh các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2023/2576312/HĐTD ngày 21 tháng 12 năm 2023 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 1.200 tỷ VND, trong đó, dư nợ cho vay, phát hành bảo lãnh thanh toán tối đa là 800 tỷ VND. Hạn mức tín dụng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 30 tháng 11 năm 2024. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là từ 3,6%/năm đến 8%/năm. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 6 năm 2024.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2023/2576312/HĐTD ngày 24 tháng 8 năm 2023 với hạn mức cấp tín dụng tối đa là 3.450 tỷ VND, trong đó, dư nợ cho vay, mở L/C tối đa là 2.270 tỷ VND, dư bảo lãnh tối đa là 1.180 tỷ VND. Hạn mức tín dụng được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ cung cấp than vận hành thương mại nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 năm 2023-2024 theo hợp đồng số 38/2023/HDKT/SH1PP-VPG-SGE-BMSR ngày 14 tháng 8 năm 2023. Thời hạn cấp tín dụng theo thời hạn của hợp đồng cung cấp than trên. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi suất áp dụng cho các khoản nhận nợ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là từ 3,3%/năm đến 5,7%/năm. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Khoản vay và các nghĩa vụ tín dụng khác của Công ty được đảm bảo bởi:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 120.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 435.924.815.363 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 04); và
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Bình và Bà Lê Thị Thanh Lệ và các cá nhân khác.

Ngoài ra, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 560.057.588.284 VND đã được phong tỏa để đảm bảo cho nghĩa vụ tín dụng khác (xem tại Thuyết minh số 04).

- (iii) Số dư cuối năm phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank") - Chi nhánh Bắc Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng số 2111-LAV-202300443/HĐTD ngày 15 tháng 8 năm 2023 với hạn mức cấp tín dụng bao gồm hạn mức cho vay, bảo lãnh, hạn mức mở L/C và các hình thức tín dụng khác là 1.400.000.000.000 VND, trong đó dư nợ vay tối đa là 400.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2023-2024. Thời gian duy trì hạn mức cho vay từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 8 năm 2024. Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ và tối đa không quá 07 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo lãi suất quy định của Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng từng thời kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư vay của Hợp đồng này là 377.527.865.365 VND với lãi suất 6% - 7,5%/năm. Kế ước cuối cùng đáo hạn ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Khoản vay và các nghĩa vụ tín dụng khác (bao gồm L/C và các khoản bảo lãnh) được đảm bảo bởi:

- Các tài sản của Công ty, bao gồm Trái phiếu Agribank với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đảm bảo bởi Trái phiếu Agribank và tài sản hình thành từ trung tâm thương mại Dự án Vĩnh Niệm với giá trị ghi sổ lần lượt là 10.000.000.000 VND và 6.463.364.825 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 05 và 14);
- Hàng tồn kho có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 86.995.713.311 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 0 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 10); và
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các cá nhân khác.

- (iv) Phản ánh khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ("HSBC Hà Nội") theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VHN 165640 ngày 07 tháng 7 năm 2022 với hạn mức hỗn hợp để phát hành L/C, cho vay và bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty tối đa là 400.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay thả nổi và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng cho từng thời kỳ. Lãi suất áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3,51%/năm.

Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với tổng giá trị không thấp hơn số dư nợ gốc của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 06 và 10).

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	26.168.191.109	7.746.693.229
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	3.126.633.072	21.064.879.000
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(5.088.135.007)	(2.643.381.120)
Số dư cuối năm	24.206.689.174	26.168.191.109

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (i)	222.332.000.000	222.332.000.000	-	15.336.000.000	206.996.000.000	206.996.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân (ii)	234.509.792.213	234.509.792.213	57.006.635.354	-	291.516.427.567	291.516.427.567
	456.841.792.213	456.841.792.213	57.006.635.354	15.336.000.000	498.512.427.567	498.512.427.567

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	15.336.000.000	15.336.000.000	112.508.142.522	112.508.142.522
- Số phải trả sau 12 tháng	441.505.792.213	441.505.792.213	386.004.285.045	386.004.285.045

(i) Phản ánh khoản vay từ Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay số 2111-LAV-202200299 ngày 14 tháng 6 năm 2022 với số tiền cho vay là 230 tỷ VND để thanh toán chi phí thực hiện Dự án Đầu tư nhận chuyển nhượng tòa nhà văn phòng tại địa chỉ số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Thời hạn vay tối đa là 180 tháng (15 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay được thả nổi theo từng thời kỳ, được xác định bằng trần lãi suất gửi tiết kiệm niêm yết bằng VND, trả lãi sau kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay theo quy định của Agribank và theo thông báo của Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng vào ngày đầu tiên hàng quý của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12. Lãi suất áp dụng tại hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Tòa nhà số 2 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội với giá trị ghi số tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 470.860.335.324 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 450.506.940.000 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 14).

(ii) Phản ánh khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Newland, công ty con của Công ty, từ Vietinbank Lê Chân theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12/2022-HĐCVDADT/NHCT164-NEWLAND-80HALY ngày 22 tháng 12 năm 2022 để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với tổng số tiền cam kết cho vay là 521.663.000.000 VND, thời hạn giải ngân là 24 tháng và thời gian cho vay là 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng và được xác định bằng lãi suất cơ sở (là lãi suất huy động tiết kiệm VND cao nhất trả lãi sau của kỳ hạn bằng thời hạn cho vay + chi phí huy động tăng thêm (nếu có)) + biên độ 4,5%/năm. Các khoản nhận nợ trong kỳ chịu lãi suất từ 11,5% đến 14%/năm. Khoản vay được ân hạn cho đến thời điểm phát sinh khoản thu đầu tiên từ Dự án và tối đa 18 tháng kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022 (ngày giải ngân đầu tiên).

29



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án, bao gồm chi phí đầu tư Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng với giá trị ghi số tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 415.382.528.667 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 335.621.532.497 VND) (chi tiết tại Thuyết minh số 10).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	112.508.142.522	15.336.000.000
Trong năm thứ hai	209.680.285.045	93.505.930.740
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	46.008.000.000	202.347.861.473
Sau năm năm	130.316.000.000	145.652.000.000
	498.512.427.567	456.841.792.213
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(112.508.142.522)	(15.336.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	386.004.285.045	441.505.792.213

30

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	431.196.880.000	(226.500.000)	-	-	-	-	482.417.487.378	-	-	-	913.387.867.378	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	62.532.661.441	(4.286.774)	-	-	62.528.374.667	-
Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-
Phát hành cổ phiếu	297.882.400.000	-	238.305.920.000	-	-	-	-	-	-	-	536.188.320.000	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	-	(230.550.000)	-	-	-	-	-	-	-	(230.550.000)	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	72.904.080.000	-	-	-	-	-	(72.904.080.000)	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(40.099.168.000)	-	-	-	(40.099.168.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(21.064.879.000)	-	-	-	(21.064.879.000)	-
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	21.064.879.000	-	-	(21.064.879.000)	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	801.983.360.000	237.848.870.000	21.064.879.000	21.064.879.000	389.817.142.819	389.817.142.819	19.461.024.517	(79.714.647)	29.995.713.226	1.480.709.965.045	19.381.309.870	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(40.087.350.000)	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	40.087.350.000	-	-	-	-	-	(3.975.225.177)	-	-	-	(3.975.225.177)	-
Chia cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	-	-	-	(3.126.633.072)	-	-	-	(3.126.633.072)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(6.253.266.144)	-	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	6.253.266.144	-	-	355.835.692.943	-	-	-	1.492.989.416.666	-
Số dư cuối năm	842.070.710.000	237.848.870.000	27.318.145.144	27.318.145.144	355.835.692.943	355.835.692.943	29.915.998.579	29.915.998.579	1.480.709.965.045	1.492.989.416.666	19.381.309.870	-

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt (i) trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 6%, tương đương 600 VND/cổ phần, trong đó: trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%, tương đương 500 VND/cổ phần và trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 1%, tương đương 100 VND/cổ phần; (ii) trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 với số tiền là 3.126.633.072 VND; và (iii) trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 với số tiền là 6.253.266.144 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	84.207.071	80.198.336
Cổ phiếu phổ thông	84.207.071	80.198.336
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	84.207.071	80.198.336
Cổ phiếu phổ thông	84.207.071	80.198.336

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 842.070.710.000 VND và đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Văn Bình	217.151.250.000	25,79	206.810.730.000	25,79
Ông Nguyễn Văn Đức	28.353.880.000	3,37	27.003.700.000	3,37
Bà Lê Thị Thanh Lệ	38.115.000.000	4,53	36.300.000.000	4,53
Các cổ đông khác	558.450.580.000	66,31	531.868.930.000	66,31
Tổng cộng	842.070.710.000	100	801.983.360.000	100

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	13.250.729,12	5.241.088,99

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	4.962.834.500	2.162.805.000
Trên 1 năm đến 5 năm	6.633.000.000	4.796.500.000
	11.595.834.500	6.959.305.000

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng làm việc và kho bãi của Công ty theo các hợp đồng thuê đã ký từ năm 2019 đến năm 2026.

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ, bao gồm: bộ phận xây dựng, bộ phận kinh doanh bất động sản và bộ phận kinh doanh khoáng sản (chủ yếu là than, quặng sắt và thép).

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp và không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Xây dựng		Kinh doanh bất động sản		Kinh doanh khoáng sản		Không phân bổ		Tổng
	VND		VND		VND		VND		
Năm nay/Số cuối năm									
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	16.836.557.273	-	6.320.888.060.233	-	-	-	-	6.337.724.617.506	
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	(1.527.910.060)	(845.558.717)	21.754.778.647	-	-	-	-	19.381.309.870	
3. Tài sản bộ phận	7.714.845.149	538.153.702.652	5.968.496.192.892	641.083.734.825	641.083.734.825	641.083.734.825	641.083.734.825	7.155.448.475.518	
4. Nợ phải trả bộ phận	-	292.414.175.661	5.178.384.883.191	191.660.000.000	191.660.000.000	191.660.000.000	191.660.000.000	5.662.459.058.852	
Năm trước/Số đầu năm									
1. Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	11.139.895.370	-	5.513.522.677.208	-	-	-	-	5.524.662.572.578	
2. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh	(1.206.555.337)	(42.867.742)	64.581.222.404	(803.424.658)	(803.424.658)	(803.424.658)	(803.424.658)	62.528.374.667	
3. Tài sản bộ phận	9.920.114.511	835.019.468.091	4.491.470.134.880	641.083.734.825	641.083.734.825	641.083.734.825	641.083.734.825	5.977.493.452.307	
4. Nợ phải trả bộ phận	18.422.696.000	235.062.335.833	4.036.302.455.429	206.996.000.000	206.996.000.000	206.996.000.000	206.996.000.000	4.496.783.487.262	

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán than nhiệt	2.787.873.631.062	1.562.906.218.289
- Doanh thu bán than cốc	2.138.577.560.581	2.925.106.963.706
- Doanh thu bán quặng sắt	1.148.341.736.706	819.114.783.133
- Doanh thu bán hàng hóa khác	242.663.860.364	205.048.001.825
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.836.557.273	11.139.895.370
- Doanh thu khác	3.431.271.520	1.346.710.255
	6.337.724.617.506	5.524.662.572.578

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của than nhiệt	2.548.167.940.646	1.552.811.610.120
Giá vốn của than cốc	2.009.557.889.825	2.761.004.012.611
Giá vốn của quặng sắt	1.131.478.837.768	729.801.109.937
Giá vốn của hàng hóa khác	240.430.776.767	203.126.617.545
Giá vốn hợp đồng xây dựng	18.364.467.333	12.346.450.707
Giá vốn khác	3.401.222.871	95.506.680
	5.951.401.135.210	5.259.185.307.600

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.309.869.617.983	321.418.730.208
Chi phí nhân công	26.851.456.573	22.756.665.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.048.692.562	4.316.837.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	928.053.594.195	436.512.097.952
Chi phí khác bằng tiền	62.644.571.843	74.111.504.709
	2.331.467.933.156	859.115.835.427

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	38.103.946.750	28.545.860.611
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	1.998.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	34.558.632.683	48.530.578.332
	72.662.579.433	79.074.438.943

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	114.386.005.190	54.105.499.970
Phí dịch vụ UPAS LC	112.581.331.991	64.160.192.434
Lỗi chênh lệch tỷ giá	24.200.091.481	30.600.145.744
	251.167.428.662	148.865.838.148

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí giao nhận, vận tải	105.385.547.991	85.131.354.470
Các khoản chi phí bán hàng khác	592.189.620	608.205.600
	105.977.737.611	85.739.560.070
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	18.127.003.583	14.951.489.102
Thuế, phí và lệ phí	27.127.215.420	11.179.127.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.639.351.259	9.839.530.137
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.230.208.549	35.124.864.392
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.518.702.681	5.785.147.285
	71.642.481.492	76.880.158.169

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thưởng do dỡ hàng và giải phóng tàu nhanh	3.523.176.684	22.903.853.603
Thu từ phạt hợp đồng	6.209.486.064	18.282.591.824
Nhận bồi thường từ các công ty bảo hiểm	132.201.035	4.765.785.332
Các khoản khác	637.411.319	10.751.893.279
	10.502.275.102	56.704.124.038

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phạt hành chính	7.042.084.920	-
Phạt dôi nhật do dỡ hàng và giải phóng tàu chậm	3.816.378.414	3.896.650.226
Chi phí khấu hao	1.621.099.908	1.800.599.907
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	700.949.425	1.746.851.887
Phạt chậm nộp thuế	147.718.423	694.844.640
Các khoản khác	187.125.438	927.179.206
	13.515.356.528	9.066.125.866

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.956.042.354	18.186.487.974
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.956.042.354	18.186.487.974

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	27.185.332.538	80.704.145.706
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế Cộng:		
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	378.000.000	341.153.847
- Chi phí khấu hao không được trừ	1.621.099.908	1.800.599.907
- Các khoản phạt	7.189.803.343	1.753.079.876
- Các khoản chi phí không được khấu trừ khác	2.645.877.556	6.279.875.859
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	39.020.113.345	90.878.855.195
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	39.780.211.772	90.932.439.872
Lỗi tính thuế	(760.098.427)	(53.584.677)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.956.042.354	18.186.487.974

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	19.461.024.517	62.532.661.441
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(973.051.226)	(3.126.633.072)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	18.487.973.291	59.406.028.369
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	84.207.071	82.321.878
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	220	722

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 với tỷ lệ là 5% và dự kiến trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 với tỷ lệ là 5%. Theo đó, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được điều chỉnh giảm một khoản tương ứng.

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trong tháng 7 năm 2023, Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Chi tiết điều chỉnh như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số trình bày trên báo cáo năm trước	80.198.336	741
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu	2.123.542	(19)
Số đã điều chỉnh	82.321.878	722

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Tiên Thanh	Cùng người quản lý chủ chốt
Ông Nguyễn Văn Bình	Cổ đông, Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Lệ	Phó Tổng Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	33.590.625.832	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	33.590.625.832	-
Cổ tức bằng tiền được chia	1.350.572.150	13.505.721.500
Ông Nguyễn Văn Bình	1.034.053.650	10.340.536.500
Bà Lê Thị Thanh Lệ	181.500.000	1.815.000.000
Ông Nguyễn Văn Đức	135.018.500	1.350.185.000
Thu hồi tạm ứng/Hoàn ứng	-	2.232.844.750.000
Ông Nguyễn Văn Bình	-	1.246.880.000.000
Ông Nguyễn Văn Đức	-	985.964.750.000
Bà Lê Thị Thanh Lệ	-	-
Chi tạm ứng	-	2.111.814.750.000
Ông Nguyễn Văn Bình	-	1.200.150.000.000
Ông Nguyễn Văn Đức	-	911.664.750.000
Bà Lê Thị Thanh Lệ	-	-
Ứng trước cho nhà cung cấp	-	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Tiên Thanh	-	300.000.000.000

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhận lại tiền ứng trước	-	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Tiên Thanh	-	300.000.000.000
Mượn tiền trong năm	-	4.216.016.521
Ông Nguyễn Văn Bình	-	4.216.016.521
Chi trả tiền mượn trong năm	-	4.216.016.521
Ông Nguyễn Văn Bình	-	4.216.016.521

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	147.750.000.000	147.750.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	147.750.000.000	147.750.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	96.629.465.640	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bất động sản Việt Phát	96.629.465.640	-

Thù lao/Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
1	Ông Nguyễn Văn Bình	Chủ tịch	900.000.000	908.846.154
2	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị	613.387.991	571.018.495
3	Bà Lê Thị Thanh Lệ	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị	517.160.000	480.238.577
4	Ông Nguyễn Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	180.000.000	154.692.308
5	Ông Lê Đình Điều	Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán	180.000.000	125.769.231
6	Bà Ngô Thị Minh Lệ	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	60.000.000	41.923.077
7	Ông Nguyễn Quang Khải	Thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022)	-	28.923.077
8	Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên Ủy ban Kiểm toán (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2022)	-	10.846.154
9	Nguyễn Thị Mai Hoa	Kế toán trưởng	370.118.017	376.334.597
			<u>2.820.666.008</u>	<u>2.698.591.670</u>

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2024

35. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết xây dựng

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Newland, công ty con của Công ty, đã phê duyệt tổng mức đầu tư cho Dự án phát triển nhà ở, chính trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ("Dự án") với số tiền là 685.392.151.000 VND. Dự án được triển khai từ ngày 05 tháng 8 năm 2023, đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị đã đầu tư là 415.382.528.667 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng cho Dự án đã ký nhưng chưa hoàn thành là 270.009.622.333 VND.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 2.190.932.325 VND (năm 2022: 1.564.712.517 VND), là số lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả và tiền thu từ đi vay không bao gồm 24.862.149.520 VND, là số chi phí lãi vay đã phát sinh và được chuyển thành gốc vay trong năm.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 1.557.142.456 VND (năm 2022: 2.468.893.800 VND), là số lãi tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 10.521.814.877 VND (năm 2022: 9.862.676.500 VND), là số cổ tức được chia theo các quyết định phân phối lợi nhuận mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Hoàng Thị Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN VĂN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT PHÁT

 **Add:** Số 123BT 02 – 97 Bạch Đằng, P. Hạ Lý, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

 **Tel:** +84 (225) 3569.699

 **Fax:** +84 (225) 3569.689

 **Email:** info@vietphatjsc.com.vn

 **Website:** www.vietphatjsc.com.vn